

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Tầng 4- 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 298 244 Fax: (028) 38 298 245

Email: thepnhabe@nbsteel.vn – Website: www.nbsteel.vn



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2023

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Tầng 4- 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

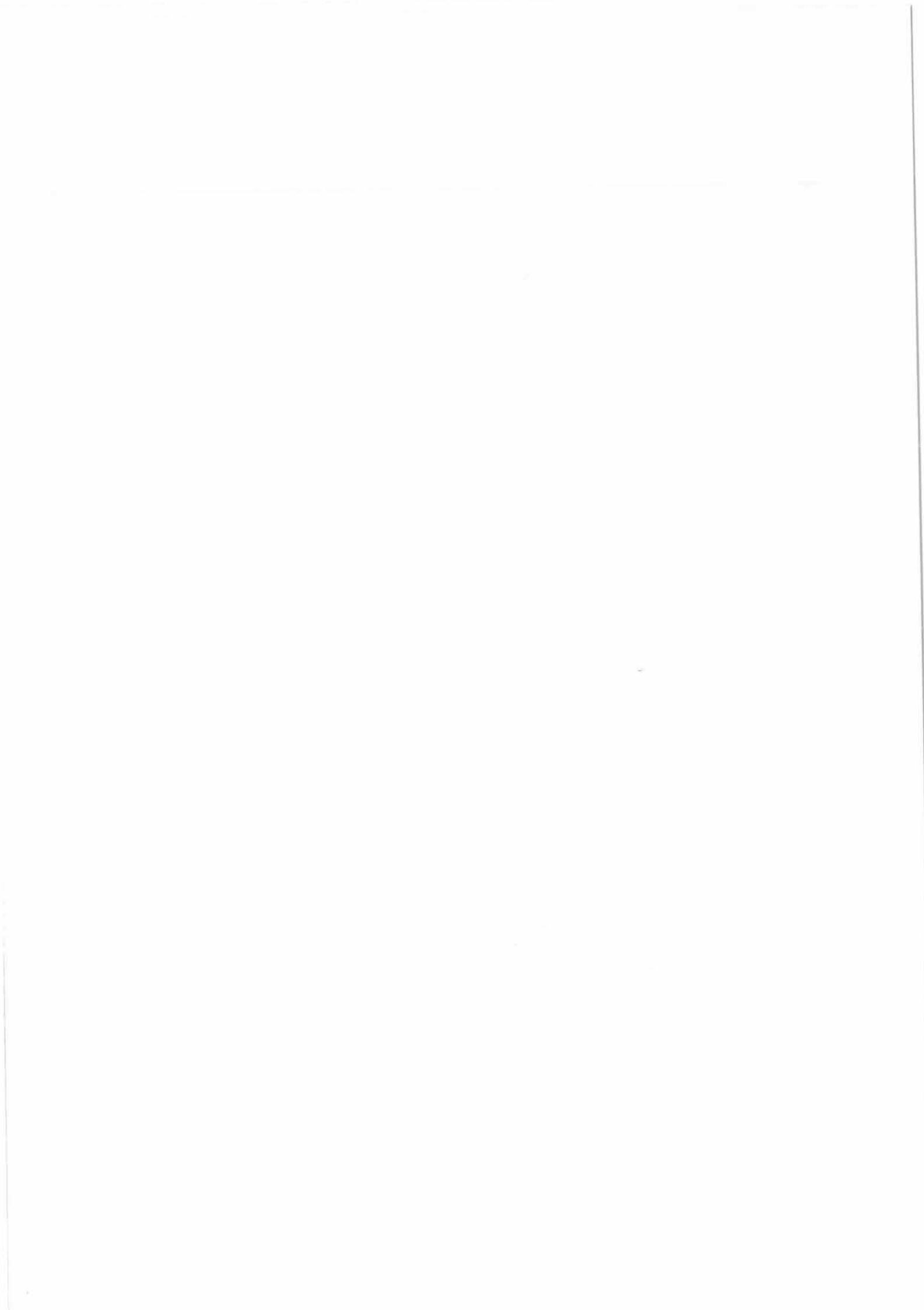
Điện thoại: (028) 38 298 244 Fax: (028) 38 298 245

Email: thepnhabe@nbsteel.vn – Website: www.nbsteel.vn



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2023



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
Ngày 12 tháng 4 năm 2023

1. PHẦN NGHI THỨC

- 8h00' – 8h30' ▪ Đón tiếp cổ đông
- 8h30' – 8h35' ▪ Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
- 8h35' – 8h40' ▪ Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
- 8h40' – 8h45' ▪ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty khai mạc Đại hội, thông qua danh sách đoàn Chủ tịch, chỉ định thư ký Đại hội và bầu Ban kiểm phiếu

2. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- 8h45' – 8h50' ▪ Thông qua chương trình nghị sự, Quy chế Đại hội
- 8h50' – 9h05' ▪ Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023
- 9h05' – 9h20' ▪ Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 9h20' – 9h40' ▪ Báo cáo Đại hội các tờ trình về thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán), thù lao HĐQT & BKS, kế hoạch SXKD-tài chính-tiền lương-đầu tư, dự án luyện thép, lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2023, Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hợp đồng-thể chấp tài sản, Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, tờ trình về nhân sự Hội đồng quản trị & BKS
- 9h40' – 9h50' ▪ Báo cáo đánh giá nhiệm kỳ 2018-2023, định hướng phát triển nhiệm kỳ 2023-2028
- 9h50' – 10h00' ▪ Công bố kết quả ứng cử và đề cử bầu Thành viên HĐQT & BKS, đề nghị Đại hội thông qua danh sách
- 10h00' – 10h15' ▪ Bầu cử: Thông qua Quy chế, Thể lệ Bầu cử, tiến hành bỏ phiếu
- 10h15' – 10h30' ▪ Giải lao, buffet trà-cà phê
- 10h30' – 11h15' ▪ Thảo luận, chất vấn và giải đáp
- 11h15' – 11h20' ▪ Công bố kết quả bầu Thành viên HĐQT & BKS, kết quả bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát
- 11h20' – 11h30' ▪ Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình của Đại hội
- 11h30' – 11h35' ▪ Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội
- 11h35' – 11h45' ▪ Thông qua biên bản Đại hội
- 11h45' ▪ Tổng kết và Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: 29 /NBS-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và đúng Điều lệ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức quy định, không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong phòng họp Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ rung, khi cần thực hiện cuộc gọi thì vui lòng ra khỏi phòng họp.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của cổ đông.

- Cổ đông hoặc đại diện sở hữu được cấp Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết thông qua một vấn đề gì, các cổ đông đồng ý thông qua thì sẽ thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội.

3. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

- Theo Khoản 1, Điều 21 Điều lệ công ty quy định, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp có quyền biểu quyết chấp thuận.

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Khoản 2, Điều 21 Điều lệ công ty quy định, các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

- Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

- Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Xác định kết quả bầu cử, biểu quyết của cổ đông về các vấn đề tại Đại hội.

2. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG


Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL. Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông NBS;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

Số: 30 /BC-NBS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ SẢN XUẤT
KINH DOANH 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2023

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2022

1.1.1. Kế hoạch

- Sản xuất-tiêu thụ: 150.000 tấn thép cán
- Doanh thu: 2.520 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 12 tỷ đồng

1.1.2. Kết quả thực hiện

- Sản xuất đạt 115.249 tấn, bằng 76,83% so với kế hoạch và bằng 86,96% so cùng kỳ.
- Tiêu thụ đạt 119.380 tấn, bằng 79,59% so kế hoạch và bằng 95,56% so cùng kỳ. Trong đó:
 - + Tiêu thụ thép góc đạt 29.275 tấn (xuất khẩu: 15.087 tấn; nội địa: 14.188 tấn).
 - + Tiêu thụ thép vằn đạt 81.633 tấn (xuất khẩu 16.201 tấn (Cty tự doanh 2.289 tấn, xuất qua TMN 13.912 tấn); nội địa 65.432 tấn.
 - + Tiêu thụ thép cuộn đạt 8.472 tấn.
- Doanh thu thuần đạt: 1.992,463 tỷ đồng, bằng 79,07% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế: (8,385)tỷ đồng.

1.2. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

1.2.1. Phân công nhiệm vụ các thành viên

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên và được phân công như sau:

- Ông Nguyễn Văn Chánh - Chủ tịch chuyên trách HĐQT, chịu trách nhiệm chung và xây dựng các chính sách phát triển cho Công ty.
- Ông Lê Việt - Tổng giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển tài sản của Công ty.
- Ông Nguyễn Hữu Khánh – Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật, chính sách chất lượng, tham gia xây dựng kế hoạch trung và dài hạn.
- Ông Lê Xuân Anh - Thành viên không điều hành, Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng Công ty Thép Việt Nam, chịu trách nhiệm phối hợp giữa HĐQT Công ty với các ban chuyên môn Tổng Công ty về công tác nhân sự, tiền lương.

- Ông Võ Trí Nghĩa - Thành viên không điều hành cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty, phối hợp hoạt động giữa Công ty cổ phần Thép Nhà Bè và Công ty cổ phần Kim khí TPHCM để phát huy lợi thế trong SX-KD.

1.2.2. Các cuộc họp HĐQT

Từ đại hội cổ đông thường niên tháng 3/2022 đến nay, Hội đồng quản trị đã trải qua 4 cuộc họp định kỳ với các nội dung: kiểm điểm đánh giá kết quả SX-KD các quý trong năm 2022, thông qua các quy chế, các giải pháp về quản trị công ty.

- Các cuộc họp HĐQT được tiến hành đúng thủ tục, đảm bảo chất lượng làm việc và ra nghị quyết để tổ chức thực hiện.

1.2.3. Ban hành các quy chế hoạt động và các quyết định của HĐQT

Trong năm Hội đồng quản trị đã sửa đổi ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Quy chế công bố thông tin và ban hành 20 nghị quyết, quyết định.

1.2.4. Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT

Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh tiếp thị, chiến lược đầu tư, ...do điều kiện đặc thù của Công ty, Hội đồng quản trị đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG 2022

2.1. Tình hình chung

- Xung đột chính trị Nga-Ucraina leo thang đẩy giá dầu, khí đốt, nguyên vật liệu tăng cao, là nguyên nhân chính tác động đến thị trường hàng hóa trong đó có các mặt hàng sắt thép. Những chính sách của Trung Quốc kiểm soát về bất động sản, kiểm soát dịch bệnh Covid-19 làm nhu cầu thép sụt giảm.

- Diễn biến thị trường thuận lợi về lượng tiêu thụ cũng như giá bán với biến động tăng nhanh trong 4 tháng đầu năm 2022. Từ giữa tháng 4 thị trường quay đầu với biến động xấu khi giá phôi và thành phẩm giảm sâu, với tốc độ giảm giá nhanh, nhu cầu thị trường càng dè chừng chờ đợi nên tiêu thụ kém, cùng với cạnh tranh gay gắt để cắt lỗ nên càng làm cho khó khăn hơn trong SXKD.

- Thị trường trong nước vẫn mang yếu tố cung vượt xa cầu, các thương hiệu cạnh tranh gay gắt để giữ thị phần trong cả lĩnh vực công trình và dân dụng. Thị trường bất động sản giảm sút, các hạng mục đầu tư công chậm triển khai. Khi các ngân hàng đồng loạt tăng lãi suất cho vay và siết tín dụng, chi phí lãi vay tăng làm giảm hiệu quả kinh doanh và nhu cầu thép xây dựng giảm mạnh.

2.1.1. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao và đúng hướng của lãnh đạo Tổng công ty, cùng sự hỗ trợ tích cực của các Ban chức năng Tổng công ty và sự hỗ trợ phối hợp của các đơn vị trong hệ thống thép /V/ trong việc cung cấp nguồn phôi và tiêu thụ sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn.

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết, đồng thuận, năng động sáng tạo, vượt khó bằng mọi giải pháp để tăng sản lượng tiêu thụ, giảm chi phí, giữ đội ngũ lao động ổn định.

- Hệ thống quản trị trong sản xuất phát huy hiệu quả góp phần kiểm soát được công nghệ, kiểm soát chất lượng với tỷ trọng sản phẩm lỗi, sản phẩm có bề mặt xấu, nhám... giảm dần, chất lượng hình thức đóng bó được cải thiện, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu sản phẩm thép /v/ trên thị trường.

2.1.2. Khó khăn

- Các sản phẩm thép thanh vằn, thép cuộn và thép góc đều được sản xuất trên cùng dàn cán Pomini do đó phải đổi mặt hàng nhiều, ảnh hưởng đến năng suất và hiệu suất sử dụng thiết bị, công tác điều độ gặp nhiều khó khăn. Công ty không chủ động được nguồn nguyên liệu phôi thép, lợi nhuận của Công ty phụ thuộc lớn vào sự chênh lệch giữa giá phôi thép và giá bán thép thành phẩm. Sản phẩm thép /v/ trên thị trường bị cạnh tranh mạnh về giá bán và chi phí sản xuất.

- Sản phẩm thép góc là chủng loại cỡ nhỏ mặc dù có uy tín chất lượng nhưng bị hạn chế khi tham gia đơn hàng công trình, bị cạnh tranh mạnh từ các sản phẩm cùng loại có chất lượng kém hơn với giá rẻ, bị dần thay thế trong dân dụng bởi các sản phẩm thép hộp...vì vậy khó mở rộng thị phần để tăng sản lượng.

- Năng lực tài chính của Công ty hạn chế, nguồn vốn lưu động phục vụ nhu cầu mua nguyên liệu phôi thép chủ yếu là vốn vay ngân hàng. Đặc biệt trong những tháng tiêu thụ thấp, rất khó khăn cho các khoản vay nợ ngắn hạn.

2.2. Những nội dung đã thực hiện

2.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

(Xin mời tham khảo các bản phụ lục của báo cáo)

2.2.2. Các hoạt động khác

- Về tài chính doanh nghiệp, thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán trong hoạt động SXKD và quy chế tài chính của Công ty, thường xuyên cải tiến các giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện đầy đủ việc nộp thuế, nộp ngân sách Nhà nước, quản lý tốt công nợ, không phát sinh nợ xấu nợ khó đòi. Thực hiện tốt việc báo cáo tài chính định kỳ, kiểm kê, kiểm toán, kịp thời khắc phục các thiếu sót sau kiểm tra kiểm toán.

- Về quản trị chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2015 được vận hành ổn định. Công tác quản trị chất lượng sản phẩm luôn được chú trọng và duy trì thực hiện đúng các quy định, từ nguồn phôi đầu vào đến các công đoạn trong sản xuất (như ổn định bazem, chất lượng bề mặt, đóng gói sản phẩm...vv) góp phần đảm bảo CLSP trước khi ra thị trường. Trong năm qua việc đẩy mạnh khai thác các ứng dụng công nghệ vào trong quản trị chất lượng sản phẩm đã góp phần nâng cao sự chính xác về số liệu và tính cập nhật, phục vụ tốt cho công tác quản lý thành phẩm và bán hàng. Các bộ phận QLCL - KHKD - PX Cán luôn có sự phối hợp tốt trong công tác này, việc xử lý kịp thời và thỏa đáng những thông tin phản hồi từ khách hàng, góp phần mang lại sự tin tưởng của khách hàng với thương hiệu Thép Miền Nam /V/.

- Thiết bị máy cán được duy trì sản xuất ổn định, việc quản lý, sử dụng thiết bị máy cán, dầu nhớt, và thiết bị nâng được thường xuyên quan tâm đúng mức, cải tiến và nâng cao ý

thức tiết kiệm trong sản xuất, nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, năng suất cán bình quân duy trì ổn định và đặc biệt là các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu đều giảm so với định mức. Đảm bảo an toàn bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, PCCN.

- Về công tác nhân sự, tiếp tục rà soát sắp xếp lao động phù hợp yêu cầu của sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc, công bằng, đúng quy định Nhà nước và quy chế của Công ty trong đào tạo, tuyển dụng, trả lương, thưởng và phúc lợi xã hội. Các chế độ chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp, hưu trí, chăm sóc sức khỏe... được thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Phong trào thi đua yêu nước tiếp tục làm tốt việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân điển hình tiên tiến ở khu vực sản xuất, hướng cho người lao động vào các nội dung thi đua tiết kiệm giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm. Năm 2022, Công ty có 17 CSTĐ cơ sở, 142 LĐTT, 02 tập thể xuất sắc và 02 tập thể tiên tiến.

- Hoàn tất thủ tục chi trả cổ tức bằng tiền mặt 6,5% và bằng cổ phiếu 26%, được Sở KHĐT TP. HCM cấp giấy chứng nhận ĐKDN với vốn Điều lệ 144.900.000.000 đồng.

2.3. Những tồn tại

- Công tác nghiên cứu, nhận định thị trường, điều độ sản xuất, tối ưu hóa sản lượng tồn kho chưa hiệu quả, chưa tận dụng được cơ hội của thị trường để gia tăng lợi nhuận cho công ty.

- Trong công nghệ và quản lý thiết bị: khả năng dự báo hư hỏng, chất lượng sửa chữa bảo trì bảo dưỡng thiết bị chưa tốt, sự phối hợp giữa các bộ phận chưa thật đồng bộ.

- Công tác tuyển dụng thu hút lao động có trình độ chuyên môn và lao động kỹ thuật tại địa bàn Nhơn Trạch khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu của Công ty. Công tác đào tạo chưa theo kịp yêu cầu phần do điều kiện học tập bị hạn chế do điều kiện làm việc và đi lại, công tác đào tạo kèm cặp nhân lực trực tiếp sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu.

- Công tác triển khai xây dựng và áp dụng một số phương án quản trị, chương trình hành động còn chậm, mang tính nghiệp vụ, chưa tạo ra sự đổi mới, đột phá và hiệu quả chưa cao.

- Dự án đầu tư nhóm C chưa thực hiện được. Nguyên nhân một phần ảnh hưởng của yếu tố khách quan là dịch bệnh, mặt khác các yếu tố lợi nhuận cơ chế bỏ vốn đầu tư vào dự án chưa hấp dẫn nhà đầu tư.

3. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2023

3.1. Nhận định tình hình thị trường

- Xung đột tại Ucraina đã làm trầm trọng hơn tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng sau đại dịch, lạm phát leo thang, kinh tế suy giảm, an ninh năng lượng bị đe dọa... đã làm gia tăng lo ngại về tình trạng lạm phát, đình trệ của kinh tế thế giới, đặt kinh tế toàn cầu vào những khó khăn mới.

- Nhu cầu thép toàn cầu suy giảm mạnh trong đó đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Ngành thép không thuận lợi khi nhu cầu thép trên thế giới và nội địa giảm.

- Nền kinh tế trong nước không tránh khỏi sự tác động tiêu cực của kinh tế thế giới trong năm 2023 được dự báo rất khó khăn.

- Tình hình trong nước với sức ép lạm phát lớn, giá nhiên liệu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh, tiền đồng mất giá nhiều so với ngoại tệ USD, ngân hàng tăng lãi suất và siết chặt tín dụng để điều chỉnh lạm phát. Thị trường bất động sản đóng băng và tiềm ẩn rủi ro, các công trình xây dựng trong nước kém do người dân tạm dừng việc xây dựng, các công trình công chậm thực hiện.

- Các nhà sản xuất thuần cán vẫn còn lệ thuộc chủ yếu vào nguồn nguyên liệu trong nước, tiềm ẩn nhiều rủi ro về hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Nguồn năng lượng (điện, gas) phục vụ cho sản xuất có nguy cơ thiếu hụt và tăng giá.

- Đặc điểm tình hình của Công ty trong năm 2023 vẫn chưa khả quan hơn vì vẫn phải chịu những khó khăn, bất lợi về trình độ công nghệ thiết bị, chi phí khấu hao và chi phí tài chính vẫn chiếm tỷ trọng cao trong giá thành.

Trước những nhận định trên, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2022 của Công ty và tình trạng của thiết bị - công nghệ - các chiến thuật, giải pháp áp dụng mang lại hiệu quả cao trong sản xuất – kinh doanh sẽ tiếp tục được áp dụng và cải tiến với mục tiêu sản xuất hết công suất, nâng cao hiệu suất thiết bị, đảm bảo đời sống và nâng cao thu nhập cho người lao động. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư cho năm 2023 như sau:

3.2. Các chỉ tiêu chính

- Sản xuất-tiêu thụ: 115.000 tấn thép cán

- Doanh thu thuần: 1.610 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 07 tỷ đồng;

- Tỷ suất LNTT/ Vốn CSH: 1,20%

- Tỷ suất LNTT/ Tổng tài sản: 3,24%

- Thu nhập bình quân của người lao động: phấn đấu đạt 16,32 triệu đồng/ người/ tháng

Hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ tập trung lãnh đạo chỉ đạo vào các vấn đề sau:

3.3. Các mặt công tác

3.3.1. Công tác pháp lý

- Tiếp tục bổ sung, cập nhật và hoàn thiện các văn bản pháp lý của Công ty.

- Thường xuyên đổi mới, cập nhật chính sách kinh doanh của Công ty linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của đơn vị và nhu cầu của thị trường.

- Theo dõi, nắm bắt kịp thời các chính sách của Nhà nước (TW và địa phương), của Ngành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương hướng hoạt động của đơn vị, nhất là các vấn đề liên quan đến hội nhập quốc tế.

3.3.2. Phát triển sản phẩm

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty đối với sản phẩm thép góc, củng cố và phát triển thị phần của Công ty trên thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khu vực.

- Chú trọng phát triển thêm các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao của thép hình.

3.3.3. Công tác tài chính và đầu tư

- Đẩy mạnh việc tiết kiệm các chi phí sản xuất, tăng vòng quay vốn, không để phát sinh nợ xấu, nợ khó thu hồi.

- Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn vay lãi suất hợp lý.
- Đảm bảo tiến độ đầu tư các hạng mục công trình.

3.4. Các giải pháp chủ yếu năm 2023

3.4.1. Các chương trình và trọng tâm thực hiện năm 2023

- Xây dựng phương án dài hạn và hệ thống các giải pháp để từng bước nâng dần sản lượng tiêu thụ đưa khả năng sản xuất công ty tiệm cận với công suất thiết bị (180.000 tấn/năm) để cải thiện chi phí sản xuất/tấn sản phẩm trong môi trường cạnh tranh với các nhà sản xuất lớn có lợi thế về công nghệ, sản xuất phôi. Bao gồm các giải pháp lớn: Cơ cấu sản phẩm, khai thác gia công, thay đổi cơ cấu tiêu thụ: nâng sản lượng thép góc, cải thiện mở rộng thị trường nội địa tiêu thụ tăng sản phẩm thép cây, thép cuộn. Tổ chức chặt chẽ phân bổ thời gian sản xuất, hợp lý hóa thay đổi mặt hàng, tính toán giá thành thực tế từng sản phẩm...

- Do công ty là đơn vị thuần cán nên hiệu quả SXKD phần lớn lệ thuộc vào hiệu quả mua nguyên vật liệu (phôi thép) nên cần xây dựng chương trình đổi mới phương thức mua, hệ thống khách hàng nhà cung cấp, quy trình thực hiện mua nguyên vật liệu, loại phôi (trung tần – lò điện), đảm bảo tận dụng tối đa nguồn phôi khai thác trong nước và theo từng tháng – quý, theo cơ chế thị trường và phù hợp với các công ty cùng loại thuần cán.

- Triển khai thực hiện công tác quản trị công ty theo phương án chuyển đổi số, phần mềm quản lý sản xuất kinh doanh, theo dõi xuất – nhập vật tư. Đảm bảo tích hợp chung toàn công ty để cung cấp thông tin hàng ngày, hàng tháng kịp thời và chính xác đến lãnh đạo công ty.

- Xây dựng chương trình công tác dài hạn về tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp nguồn nhân lực, lực lượng cán bộ kế cận quản lý, kỹ thuật... cho phù hợp với mô hình sản xuất thuần cán.

- Thực hiện chiến lược đầu tư và hạng mục đầu tư theo hướng tăng được sản lượng, năng suất, hạ giá thành sản xuất và cải thiện được lao động, tự động hóa, chuyên môn hóa để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công ty những năm qua.

- Hoàn thiện các văn bản pháp lý, điều lệ, quy chế quản trị công ty phù hợp, nhất quán với các văn bản pháp luật hiện hành.

3.4.2. Công tác sản xuất kinh doanh

- Do là đơn vị thuần cán, giá nguyên liệu phôi thép đầu vào ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, giải pháp quản trị nguồn nguyên liệu đầu vào được thực hiện theo cơ chế thị trường và hợp tác trong hệ thống.

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm chi phí sản xuất: nhanh chóng khai thác hiệu quả các hạng mục đầu tư, ổn định thiết bị công nghệ, tăng hiệu suất sử dụng thiết bị để tăng năng suất, tiết kiệm vật tư phụ tùng, giảm tiêu hao.

- Kết hợp chặt chẽ với khối /V/ trong công tác tiêu thụ sản phẩm, khai thác các sản phẩm có hiệu quả, tìm kiếm thị trường mới. Tham gia một cách hợp lý tiêu thụ thép thanh vằn xuất khẩu nhằm giảm thiểu thiệt hại khi thị trường không thuận lợi cho công nghệ thuần cán.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm thép góc nhất là thị trường nội địa. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thép hình mới mà thị trường đang có nhu cầu, hiệu quả kinh doanh cao, chú trọng công tác quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, phát huy tối đa thế mạnh của dây

- Xây dựng và trình duyệt kế hoạch lao động tiền lương phù hợp với hoạt động công ty, đảm bảo tiền lương và thu nhập CBCNV.

- Đảm bảo công tác bảo vệ ANTT, an toàn lao động, công tác tự vệ, PCCC đúng quy định pháp luật và nội quy cơ quan.

3.4.5. Công tác đầu tư

- Phát huy những ưu thế từ dự án đầu tư, triển khai các hạng mục đầu tư đảm bảo đúng tiến độ và đúng theo qui định.

- Hoàn thiện hồ sơ dự án đầu tư luyện thép để có thể triển khai khi điều kiện cho phép, đây cũng là giải pháp khai thác quỹ đất còn trống của công ty.

Với sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị Công ty cùng sự hỗ trợ của Công ty mẹ-Tổng công ty Thép Việt Nam, các đơn vị trong hệ thống thép /V/, bằng những cố gắng nỗ lực của mình, đội ngũ CBCNV và lao động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất - kinh doanh - đầu tư năm 2023.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về toàn bộ hoạt động của Công ty năm 2022 và định hướng nhiệm vụ 2023. Kính trình quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

chuyên công nghệ đã cải tạo để giảm tiêu hao, tránh thất thoát, lãng phí vật tư nhằm giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Tăng cường công tác thu thập thông tin và đánh giá thị trường, giảm thiểu rủi ro, tăng cường tận dụng cơ hội trong kinh doanh. Tích cực tìm kiếm khách hàng, có chiến lược để tăng sản lượng tiêu thụ thép góc, tăng cường công tác tiếp thị, xuất khẩu và tiêu thụ trực tiếp.

- Tăng cường cải thiện công tác quản trị chất lượng, nắm bắt thông tin phản hồi từ khách hàng để duy trì chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín Công ty và thương hiệu /V/ trên thị trường, làm tốt công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị nhằm ổn định sản xuất để nâng cao công suất.

- Bám sát thị trường để có điều chỉnh tồn kho phôi thép và thành phẩm hợp lý, đảm bảo cung cấp kịp thời phục vụ sản xuất, đồng thời giảm chi phí tồn kho. Xây dựng lại cơ sở tồn kho thành phẩm phù hợp, giảm tồn kho nhưng vẫn đảm bảo có đủ hàng cho khách hàng, nhất là các đơn hàng đi bằng đường thủy và sản phẩm thép góc xuất khẩu.

- Cải tạo thiết bị để tăng năng suất sản xuất thép góc nhỏ và sản xuất các loại thép hình lớn. Hợp lý hóa trong công tác tổ chức sản xuất nhằm giảm thiểu thời gian ngừng máy, nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng, giữ uy tín và thương hiệu sản phẩm /V/.

- Phối hợp chặt chẽ hệ thống thép /V/ về nguồn phôi, tiêu thụ thành phẩm tận dụng tối đa thế mạnh của 04 công ty sản xuất /V/, đặc biệt phương án gia công phù hợp với khả năng sản xuất và kế hoạch bán hàng công ty từng thời kỳ.

3.4.3. Công tác kỹ thuật – cơ điện – chất lượng sản phẩm

- Công tác quản lý thiết bị, chuẩn bị nguồn vật tư dự phòng thay thế đảm bảo được bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa chủ động kế hoạch không ảnh hưởng đến ngừng nghỉ máy nhiều do sự cố hư hỏng hay bị động trong sửa chữa bảo trì.

- Chuẩn bị kế hoạch bảo trì sửa chữa nâng cấp thiết bị đảm bảo đúng theo kế hoạch, bố trí sắp xếp thời gian khoa học và phù hợp với chương trình kế hoạch sản xuất – tiêu thụ công ty.

- Giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, giải quyết khiếu nại khách hàng về chất lượng khắc phục tình trạng chất lượng bề mặt, đóng bó, barem sản xuất đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn của hệ thống Thép Miền Nam /V/ ban hành.

- Đảm bảo kỷ luật lao động, an toàn lao động, nghiêm túc chấp hành các quy trình an toàn sản xuất và thường xuyên kiểm tra giám sát từng ca, từng công nhân trước trong và sau khi sản xuất để giảm thiểu tối đa vụ việc mất ATLĐ.

3.4.4. Công tác quản trị công ty

- Tuân thủ các quy định tài chính kế toán, phát huy vai trò giám sát chi phí, giá thành. Thực hiện cập nhật thống kê kịp thời số liệu chi phí, giá thành, phân tích tài chính, chi phí bán hàng theo tháng để tham mưu cho lãnh đạo có biện pháp tổ chức sản xuất kinh doanh đạt mục tiêu đề ra.

- Thực hiện kế hoạch tuyển dụng đào tạo công nhân, cán bộ quản lý theo các chương trình khóa đào tạo nghiệp vụ nhằm đảm bảo nguồn lực cho sản xuất.

Bảng phụ lục 1: KẾT QUẢ SXTT NĂM 2022

TT	Sản phẩm	Đvt	Năm 2022		So với KH năm (%)	So cùng kỳ (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Sản xuất	Tấn	150.000	115.249	76,83	86,96
	- Thép góc	-nt-	25.000	28.676	114,70	95,16
	- Thép cây vằn	-nt-	107.000	78.820	73,66	89,24
	- Thép cuộn	-nt-	18.000	7.753	43,07	55,09
2	Tiêu thụ	Tấn	150.000	119.380	79,59	95,56
	- Thép góc	-nt-	25.000	29.275	117,10	91,60
	- Thép cây vằn	-nt-	107.000	81.633	76,29	102,41
	- Thép cuộn	-nt-	18.000	8.472	47,07	63,93

Phụ lục 2: CÁC CHỈ TIÊU VỀ CLSP VÀ TIÊU HAO

2.1. Các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm

Sản lượng (tấn)	Sản phẩm phù hợp (tấn)			Sản phẩm không phù hợp (tấn)
	Sản lượng	Loại 1	Loại 2	
115.502	115.249	114.050	1.199	253
Tỉ lệ % so với thực hiện	99,78%	98,74%	1,04%	0,22%

2.2. Các chỉ tiêu tiêu hao vật tư

Tên vật tư	Đvt	Định mức	Thực hiện	+/- So với định mức
Thép thời	Tấn/ tấn	1,033	1,030	-0,003
Gas	mmBtu/ tấn	1,183	1,170	-0,013
Điện năng	Kwh/ tấn	100,127	100,415	0,288



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Căn cứ các báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty CP Thép Nhà Bè - Vnsteel.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel, gồm 03 thành viên, cụ thể:

- | | |
|--------------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Quốc Thiều | Trưởng ban |
| 2. Ông Bùi Văn Vĩnh | Thành viên |
| 3. Bà Cù Thị Thùy Linh | Thành viên |

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động để triển khai công tác, cụ thể như sau:

- Giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.

- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn.

- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.

- Kiểm tra tình hình tồn kho, công nợ, chi phí trích trước.

- Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Hợp thảo luận các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát.

Thù lao của các thành viên trong năm 2022, đã được chi trả đầy đủ và đúng theo mức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông cho 02 thành viên: 36 triệu đồng/người/năm (Trưởng ban do hưởng lương chuyên trách nên không có thù lao).

II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

1. Về tình hình tài chính

Bảng CĐKT của Công ty tại ngày 31/12/2022 (ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021	+/-	%
A	TỔNG TÀI SẢN	365.395	608.068	-242.673	-39,91
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	252.343	477.065	-224.722	-47,11
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	13.998	7.987	6.011	75,26
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	72.157	109.790	-37.633	-34,28
3	Hàng tồn kho	151.540	317.841	-166.301	-52,32
4	Tài sản ngắn hạn khác	14.648	41.447	-26.799	-64,66
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	113.052	131.003	-17.951	-13,70
1	Tài sản cố định	112.836	127.935	-15.099	-11,80
	- Nguyên giá	346.937	342.125	4.812	1,41
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(234.101)	(214.190)	-19.911	-9,30
2	Bất động sản đầu tư	0	0		
	- Nguyên giá	1.478	1.478	0	0,00
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.478)	(1.478)	0	0,00
3	Tài sản dở dang dài hạn	105	2.692	-2.587	-96,10
4	Tài sản dài hạn khác	111	376	-265	-70,48
B	TỔNG NGUỒN VỐN	365.395	608.068	-242.673	-39,91
I	NỢ PHẢI TRẢ	186.966	412.888	-225.922	-54,72
1	Nợ ngắn hạn	185.845	408.330	-222.485	-54,49
2	Nợ dài hạn	1.121	4.558	-3.437	-75,41
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	178.429	195.180	-16.751	-8,58

Nhận xét:

1.1. Tài sản: Tổng tài sản của Công ty giảm 242.673 triệu đồng, tương ứng giảm 39,91%, sự biến động này là do Tài sản ngắn hạn giảm 224.722 triệu đồng, tương ứng giảm 47,11%; Tài sản dài hạn giảm 17.951 triệu đồng tương ứng giảm 13,70%; Phân tích chi tiết các khoản mục:

1.1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền: tăng 46,31%, tương ứng tăng 6.011 triệu đồng so với cùng kỳ. Số dư tại ngày 31/12/2022 bao gồm tiền mặt là 18 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng là 13.980 triệu đồng (trong đó tiền gửi USD quy đổi là 5.604 triệu đồng).

1.1.2. Các khoản phải thu ngắn hạn: Giảm 37.633 triệu đồng, tương ứng giảm 34,28% so với cùng kỳ. Phân tích một số khoản mục biến động lớn:

a/. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 71.482 triệu đồng, giảm 22.991 triệu đồng, tương ứng giảm 24,34%, chi tiết các khách hàng có khoản phải thu lớn:

+ Cty TNHH MTV Thép Miền Nam: 26.044 triệu đồng.

+ Cty CP Tập đoàn Hoa sen:	1.076 triệu đồng.
+ Chip Mong Group LTD (Cam):	27.761 triệu đồng.
+ TS Supply All Kind of Steel Co., LTD (Cam):	2.879 triệu đồng.
+ Sing Sin Supply All Kind of Steels (Cam):	2.358 triệu đồng.
+ TTHL.Co.,LTD (Cam):	1.932 triệu đồng.
+ KS Trading Co.,LTD (Cam):	2.561 triệu đồng.
+ Cty TNHH TMDV Thép Khương Mai:	3.299 triệu đồng.
+ Cty TNHH MTV Thép Phú Xuân Việt:	3.257 triệu đồng.

Qua số liệu trên, ngoài số phải thu của Thép Miền Nam là tiền bán thép thanh vằn, toàn bộ các khách hàng còn lại là khách hàng thép góc, với tổng số nợ là 45.123 triệu đồng, chiếm 63,12% tổng số nợ phải thu.

b/. Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là 388 triệu đồng, giảm 14.854 triệu đồng, giảm 97,45% so cùng kỳ.

Để thấy rõ hơn, xét thêm chỉ tiêu số vòng quay các khoản phải thu và số ngày thu tiền bình quân:

Chỉ tiêu	2022	2021	+/-	%
Doanh thu thuần	1.992.464	1.978.066	14.398	0,73
Khoản phải thu đầu kỳ	109.790	81.606	28.184	34,54
Khoản phải thu cuối kỳ	72.157	109.790	-37.633	-34,28
Khoản phải thu bình quân	90.974	95.698	-4.725	-4,94
Số vòng quay	21,90	20,67	1,23	5,96
Số ngày thu tiền bình quân	16,44	17,42	-0,98	-5,62

Trong năm, khi doanh thu thuần tăng 0,73%, khoản phải thu bình quân giảm 4,94% so với cùng kỳ đã làm cho số vòng quay các khoản phải thu tăng 1,23 vòng, tương ứng số ngày thu tiền bình quân giảm đi 0,98 ngày. Điều này cho thấy lượng vốn được luân chuyển nhanh hơn so với cùng kỳ, làm tăng chu kỳ hoạt động thu hồi nợ thành tiền, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

1.1.3. Hàng tồn kho

Stt	Nội dung	31/12/2022	31/12/2021	+/-	%
1	Nguyên vật liệu chính (Phôi)	13.960	104.517	-90.557	-86,64
2	VL phụ, phụ tùng thay thế	21.680	16.674	5.006	30,02
3	Phế liệu thu hồi	540	972	-432	-44,44
4	Công cụ, dụng cụ	741	640	101	15,78
5	Thành phẩm	112.918	193.014	-80.096	-41,50
6	Hàng gửi đi bán	1.701	2.024	-323	-15,96
	Tổng	151.540	317.841	-166.301	-52,32

Tổng giá trị hàng tồn kho đã giảm 166.301 triệu đồng tương ứng giảm 52,32% so với cùng kỳ, biến động chủ yếu là do tồn kho phôi và thành phẩm giảm mạnh (phôi giảm 86,64%,

thành phẩm giảm 41,50%), việc giảm này do ảnh hưởng của thị trường đến khả năng tiêu thụ, nên sản lượng tồn kho phôi và thành phẩm đều thấp. Tuy nhiên, giá trị vật tư phụ tùng thay thế lại tăng lên, khi mà sản lượng sản xuất thấp cần được chú ý và kiểm soát.

1.1.4. Tài sản ngắn hạn khác: Giảm 64,66%, tương ứng giảm 26.799 triệu đồng so với cùng kỳ, sự biến động này chủ yếu là do chỉ tiêu Thuế GTGT được khấu trừ hiện là 13.506 triệu đồng, giảm 27.669 triệu đồng, tương ứng giảm 67,20% so với cùng kỳ.

1.1.5. Tài sản dài hạn: Giảm 17.951 triệu đồng, tương ứng giảm 13,70% so với cùng kỳ; các yếu tố biến động: TSCĐ giảm 15.099 triệu đồng tương ứng giảm 11,80% (Nguyên giá các TSCĐ tăng 4.812 triệu đồng, khấu hao là 19.911 triệu đồng); Tài sản dở dang dài hạn giảm 2.587 triệu đồng, tương ứng giảm 96,10%; Tài sản dài hạn khác giảm 265 triệu đồng so với cùng kỳ.

1.2. Nguồn vốn: Tổng nguồn vốn giảm 242.673 triệu đồng, tương ứng giảm 39,91%, sự biến động này chủ yếu là do nợ phải trả giảm 225.922 triệu đồng, tương ứng giảm 54,72%; Vốn chủ sở hữu giảm 16.751 triệu đồng, tương ứng giảm 8,58%; Phân tích chi tiết một số khoản mục:

1.2.1. Nợ phải trả: Giảm 54,72% so với cùng kỳ, biến động này là do nợ ngắn hạn giảm 222.485 triệu đồng, giảm 54,49% và nợ dài hạn giảm 3.437 triệu đồng, giảm 75,41%; Phân tích các chỉ tiêu trong cơ cấu nợ ngắn hạn so với cùng kỳ:

*** Biến động tăng:**

a/. Chi phí phải trả ngắn hạn là 2.871 triệu đồng, tăng 2.336 triệu đồng, tăng 436,64% so với cùng kỳ, đây là tiền trích trước chi phí lãi vay, tiền điện, thuê dịch vụ và tiền gas phải trả là 2.503 triệu đồng, chiếm 87,18% chi phí phải trả.

b/. Phải trả ngắn hạn khác là 2.364 triệu đồng, tăng 297 triệu đồng, tăng 14,37%, chiếm tỷ trọng lớn là khoản tiền cổ tức, lãi trái phiếu và phí thương hiệu.

*** Biến động giảm:**

a/. Phải trả người bán ngắn hạn là 30.062 triệu đồng, giảm 56.016 triệu đồng, giảm 65,08% so với cùng kỳ; chi tiết các khoản phải trả có giá trị lớn:

+ Công ty CP Thép Vicasa - Vnsteel: 25.060 triệu đồng.

+ Công ty CP Cơ khí Luyện kim (Sadakim): 775 triệu đồng.

Đây là các khoản mua nguyên liệu chính (phôi) và dịch vụ, các khoản nợ trên đều chưa quá hạn và Công ty có đủ khả năng để thanh toán khi tới hạn.

b/. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 00 đồng, giảm 886 triệu đồng giảm 100,00%, do trong năm công ty không có lãi.

c/. Phải trả người lao động là 5.920 triệu đồng giảm 203 triệu đồng, giảm 3,32%.

d/. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 144.477 triệu đồng, giảm 166.651 triệu đồng tương ứng giảm 53,56% (cùng kỳ là 311.128 triệu đồng), toàn bộ số tiền trên là tiền vay ngân hàng và đều chưa quá hạn, trong đó:

- Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là: 85.564 triệu đồng, lãi suất 8,3%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là: 55.476 triệu đồng. lãi suất 7,9%/năm.

- Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Nhơn Trạch (khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2023) là: 3.437 triệu đồng.

e/. Quỹ khen thưởng phúc lợi còn 141 triệu đồng, giảm 1.188 triệu đồng, giảm 89,39%.

* **Nợ dài hạn:** giảm 3.437 triệu đồng, tương ứng giảm 75,41% so với cùng kỳ, đây là khoản vay dài hạn cho dự án đã đầu tư của công ty, lãi suất 12,00%/năm.

1.2.2. Vốn Chủ sở hữu: Giảm 16.751 triệu đồng, tương ứng giảm 8,58% so với cùng kỳ, là do lợi nhuận trong năm âm và khoản trả cổ tức và trích các Quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

1.3. Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2022	2021	+/-
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	69,06	78,46	-9,40
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	30,94	21,54	9,40
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	51,17	67,90	-16,73
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	48,83	32,10	16,73
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh (Lần)	0,54	0,39	0,15
Khả năng thanh toán hiện hành (Lần)	1,36	1,17	0,19
Tỉ suất lợi nhuận			
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	-2,29	1,61	-3,90
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	-0,42	0,49	-0,92
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH (%)	-4,70	5,01	-9,71
Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS (VNĐ)	(681)	750	-1.431

Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn đã thay đổi theo hướng an toàn, về tài sản giảm tỉ trọng ở tài sản ngắn hạn, tăng dài hạn, về nguồn vốn tăng tỉ trọng nguồn vốn chủ sở hữu, giảm nợ phải trả; do tỉ trọng nợ phải trả giảm nên chỉ số khả năng thanh toán của Công ty đã tăng, đảm bảo khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán, các chỉ số về lợi nhuận và chỉ số lãi cơ bản trên cổ phiếu đều là số âm và giảm so với cùng kỳ.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng so sánh với cùng kỳ

Stt	Chỉ tiêu	2022	2021	+/-	%
1	Doanh thu thuần	1.992.464	1.978.066	14.398	0,73
2	Giá vốn	1.935.002	1.908.353	26.649	1,40
3	Lợi nhuận gộp	57.462	69.713	-12.251	-17,57
4	Doanh thu hoạt động tài chính	4.150	385	3.765	977,92

5	Chi phí tài chính	16.785	12.209	4.576	37,48
	- Chi phí lãi vay	14.293	10.978	3.315	30,20
6	Chi phí bán hàng	18.123	13.573	4.550	33,52
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.825	34.448	377	1,09
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(8.121)	9.868	-17.989	-182,30
9	Thu nhập khác	754	3.758	-3.004	-79,94
10	Chi phí khác	1.018	1.354	-336	-24,82
11	Lợi nhuận khác	(264)	2.404	-2.668	-110,98
12	Lợi nhuận trước thuế	(8.385)	12.272	-20.657	-168,33
13	Thuế TNDN		2.486	-2.486	-100,00
14	Lợi nhuận sau thuế	(8.385)	9.786	-18.171	-185,68

- Doanh thu thuần tăng 0,73%, trong khi giá vốn tăng 1,40% so với cùng kỳ, làm cho lợi nhuận gộp giảm 17,57%, tương ứng giảm 12.251 triệu đồng. Để thấy được sự biến động của doanh thu sẽ phân tích các yếu tố làm tăng doanh thu thành phẩm:

Chỉ tiêu	2022	2021	+/-	%
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	119.380	124.925	-5.545	-4,44
Giá bán bình quân (tr.đ/tấn)	16,672	15,819	0,854	5,40
Doanh thu (tr.đ)	1.990.342	1.976.141	14.201	0,72
Ảnh hưởng SL đến DT (tr.đ)			-87.714	-4,44
Ảnh hưởng giá bán đến DT (tr.đ)			101.915	5,16

Qua phân tích cho thấy doanh thu tăng so với cùng kỳ chủ yếu là do giá bán bình quân tăng 5,40% làm cho doanh thu tăng 5,16% (tăng 101.915 tr.đ), giảm sản lượng tiêu thụ 4,44% (5.545 tấn) đã làm doanh thu giảm 4,44% (87.714 tr.đ), tổng doanh thu thành phẩm tăng 14.201 triệu đồng tương ứng tăng 0,72% so với cùng kỳ.

- So với cùng kỳ, chi phí tài chính thuần tăng 6,86%, tăng 811 triệu đồng, chủ yếu là do chi phí lãi vay tăng; để thấy rõ, phân tích cụ thể như sau:

+ Tổng tiền vay đã giải ngân năm 2022/2021: 1.871.754/2.071.831 tr.đ

+ Bình quân tiền vay 01 tháng: 155.980/172.653 tr.đ

+ Tiền lãi vay bình quân 01 tháng: 1.191/915 tr.đ

Như vậy, dù tổng số tiền vay giảm 9,66%, tương ứng giảm 200.077 triệu đồng nhưng chi phí lãi vay bình quân 01 tháng lại tăng 276 triệu đồng, tăng 30,16%, điều này chủ yếu do lãi suất vay tăng cao hơn cùng kỳ.

- Trong khi doanh thu chỉ tăng 0,73% thì chi phí bán hàng tăng 33,52% (tăng chủ yếu ở chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác), chi phí Quản lý Doanh nghiệp tăng 1,09% (tăng chủ yếu ở chi phí dịch vụ mua ngoài). Xét về tổng chi phí: Chi phí bán hàng, chi phí Quản lý Doanh nghiệp, chi phí tài chính thuần (chi phí gián tiếp):

+ Năm 2022 tổng chi phí là 65.583 triệu đồng, SLTT: 119.380 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,549 triệu đồng/tấn SP.

+ Năm 2021 tổng chi phí là 59.845 triệu đồng, SLTT: 124.925 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,479 triệu đồng/tấn SP.

Như vậy khi tổng chi phí gián tiếp tăng 9,59% so với cùng kỳ đã làm cho chi phí gián tiếp trên 1 tấn sản phẩm tăng 0,070 triệu đồng, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Lợi nhuận khác giảm 2.668 triệu đồng, tương ứng giảm 110,98% so với cùng kỳ, chủ yếu là do năm 2021 có khoản thu hỗ trợ di dời 2.954 triệu đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty là âm 8.385 triệu đồng, giảm 18.171 triệu đồng, tương ứng giảm 185,68% so với cùng kỳ, không hoàn thành kế hoạch năm.

3. Đánh giá việc hoàn thành kế hoạch: ĐVT: Tấn

Chỉ tiêu	KH 2022	Thực hiện		So sánh (%)	
		2022	2021	TH/KH	2022/2021
Sản xuất	150.000	115.249	132.531	76,83	86,96
- Thép góc	25.000	28.676	30.134	114,70	95,16
- Thép thanh	107.000	78.820	88.323	73,66	89,24
- Thép cuộn	18.000	7.753	14.074	43,07	55,09
Tiêu thụ	150.000	119.380	124.925	79,59	95,56
- Thép góc	25.000	29.275	31.958	117,10	91,60
- Thép thanh	107.000	81.633	79.714	76,29	102,41
- Thép cuộn	18.000	8.472	13.253	47,07	63,93

Nhận xét: Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ đều giảm so với cùng kỳ và giảm nhiều so với kế hoạch năm 2022, tuy nhiên sản lượng tiêu thụ thép góc đã vượt kế hoạch và vẫn duy trì được thị phần.

- Chỉ số Tỷ suất LNTT/Vốn đầu tư CSH: - 5,79%.

- Chỉ số Tỷ suất LNTT/Tổng tài sản: - 2,29%.

Các chỉ số trên đều không đạt kế hoạch năm

4. Công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn

Theo kế hoạch, Công ty có 01 dự án nhóm C (chuyên tiếp) với tổng mức đầu tư là 55.000 triệu đồng và 01 hạng mục đầu tư mua sắm thiết bị, trị giá 6.500 triệu đồng, sẽ được chuyên tiếp thực hiện trong năm 2023; 01 hạng mục của năm trước chuyển qua đã hoàn thành; trong năm Công ty đã tăng 07 TSCĐ với tổng giá trị là 4.812 triệu đồng, bao gồm:

- Tủ điện VCB 22KV : 582 triệu đồng
- Mái che chứa bãi thành phẩm : 982 triệu đồng
- Cụm máy cán block : 355 triệu đồng
- Động cơ 5,5 KW : 34 triệu đồng
- Máy quán rài : 45 triệu đồng
- Trạm nguồn thủy lực : 118 triệu đồng
- Máy cắt phôi (HM chuyên tiếp) : 2.696 triệu đồng

Về sửa chữa lớn và XDCB, Công ty có tổng cộng 20 hạng mục được phê duyệt, với tổng giá trị là 6.204 triệu đồng. Trong năm, đã quyết toán và thực hiện 13 hạng mục, không thực hiện 07 hạng mục; Về chi phí cho các hạng mục đang thực hiện, số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 105 triệu đồng.

5. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định, Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh; Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo các hoạt động của Công ty một cách kịp thời.

Ban Tổng giám đốc cũng thường xuyên họp, chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, nhất là khi thị trường biến động nhanh, lúc thuận lợi lúc khó khăn; điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực hiện có về vốn, tài sản và đòn bẩy tài chính; Thực hiện thành công việc tái cấu trúc bộ phận sản xuất nhằm nâng cao công tác sản xuất và công tác quản lý, sửa chữa bảo trì thiết bị. Tuân thủ các quy định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của công ty, hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của công ty sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2022; cố gắng giữ thu nhập cho người lao động dù tình hình sản xuất kinh doanh không thuận lợi, phải tiết giảm, ngừng sản xuất dài ngày.

Trong năm, tình hình thị trường thay đổi nhanh, giá nguyên liệu đầu vào cũng như giá bán thành phẩm nhiều lúc thay đổi tăng giảm theo tuần, Ban Tổng Giám đốc đã bám sát diễn biến, có nhận định chính xác, xây dựng các kịch bản sản xuất-tiêu thụ-lợi nhuận chi tiết cho từng tháng, quý, chuẩn bị tốt nguồn phôi, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ khi thị trường thuận lợi, mang lại hiệu quả cao trong quý 1 cũng như giảm thiệt hại trong quý 2, 3 và 4 khi diễn biến thị trường xấu đi, sản lượng tiêu thụ sụt giảm, giá tồn kho luôn cao. Tuy nhiên, hiện nay và dự báo trong quý 1 năm 2023 thị trường có dấu hiệu tăng trưởng, giá bán tăng nhưng chậm hơn giá tăng của phôi, Ban lãnh đạo cần sát sao chỉ đạo công tác sản xuất, tiêu thụ, tồn kho đảm bảo ít rủi ro, nhất là khi chênh lệch giá mua nguyên liệu và giá bán thành phẩm thấp không mang lại hiệu quả.

Thù lao của Hội đồng quản trị cho các Thành viên không quản lý trực tiếp đã được chi trả đầy đủ, theo đúng mức quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, các Thành viên khác tham gia điều hành trực tiếp được Công ty trả lương nên không có thù lao.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty; Ban kiểm soát cũng nhận được sự phối hợp, ủng hộ từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban, cán bộ quản lý để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

III. Ý kiến của ban kiểm soát

- Với kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm 2023 tương đương năm 2022, thì việc điều độ sản xuất sao cho hợp lý, hiệu quả cần phải được ưu tiên hàng đầu nhằm giảm thấp nhất tiêu hao kim loại, gas và điện; Về nguồn phôi, ngoài các đơn vị trong hệ thống, Công ty cần tăng cường tìm kiếm nhà cung cấp phôi để đa dạng nguồn hàng, chủng loại nhất là phôi để sản xuất thép cuộn (vì hiện nay đang thiếu và khó tìm được nhà cung cấp với giá hợp lý), chủ động được nguồn phôi nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh.

- Tìm kiếm khách hàng, đối tác để gia công sản phẩm trên dây chuyền cán hiện hữu, nhằm tăng hiệu suất thiết bị cũng như thu nhập của người lao động, giữ được nguồn nhân lực có tay nghề, trình độ.

- Phát huy hiệu quả của việc tái cấu trúc bộ phận sản xuất, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, giảm thiểu hư hỏng, sự cố nhất là hư hỏng về công nghệ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm; giám sát việc thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nhất là trong điều kiện sản xuất ít, sản lượng thấp.

- Đẩy nhanh công tác thu hồi nợ (chú ý đối tượng khách hàng Campuchia), tăng vòng quay nợ phải thu, không để phát sinh nợ xấu. Đảm bảo nguồn vốn vay tại các ngân hàng với lãi suất phù hợp.

- Sản lượng tiêu thụ thép góc trong năm 2022 vẫn được duy trì ở mức cao trong bối cảnh các mặt hàng khác bị sụt giảm mạnh, công ty cần tiếp tục duy trì và phát huy, đề ra các giải pháp để tăng được sản lượng tiêu thụ nhất là ở thị trường trong nước.

- Tiếp tục duy trì các phương án quản trị, chọn và sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số phù hợp và khả thi vào công tác quản lý nhằm đảm bảo kiểm soát tốt các hoạt động trong công ty.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa lớn năm 2023 bài bản, đúng quy định, công tác đầu thầu phải công khai minh bạch và sát với khả năng tài chính của công ty. Về dự án bổ sung công đoạn luyện thép 150.000 tấn/năm, tiếp tục cập nhật, hoàn thiện hồ sơ dự án cũng như nguồn lực, vốn để khi thị trường thuận lợi có thể triển khai được ngay.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Thieu

Nguyễn Quốc Thiệu

Số: 32/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 (ĐÃ KIỂM TOÁN)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán) như sau:

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán, được Ban Kiểm soát Công ty kiểm tra, thẩm định và đã được công bố thông tin công khai theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán) gồm các nội dung:

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc;
- Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán) của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL đã được gửi kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, công bố thông tin trên đại chúng và công khai trên website: nbsteel.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

Số: 33 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông,

Căn cứ kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 của Người quản lý, như sau:

1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022

Stt	Chức vụ	Tháng	Mức lương kế hoạch	Mức lương thực hiện	Tổng tiền lương
	Tiền lương của Người quản lý là ĐDV				1.339.200.000
1	Chủ tịch HĐQT	12	46.500.000	41.850.000	502.200.000
2	Tổng giám đốc	12	43.000.000	38.700.000	464.400.000
3	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	12	34.500.000	31.050.000	372.600.000
	Tiền lương của Người quản lý không là ĐDV				1.022.760.000
4	Phó Tổng giám đốc	12	32.700.000	29.430.000	353.160.000
5	Trưởng ban kiểm soát	12	31.000.000	27.900.000	334.800.000
6	Kế toán trưởng	12	31.000.000	27.900.000	334.800.000
	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách				168.000.000
7	Ủy viên HĐQT	12	4.000.000	4.000.000	48.000.000
8	Ủy viên HĐQT	12	4.000.000	4.000.000	48.000.000
9	Ủy viên BKS	12	3.000.000	3.000.000	36.000.000
10	Ủy viên BKS	12	3.000.000	3.000.000	36.000.000

Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022: 2.361.960.000 đồng

2. Dự kiến mức chi năm 2023

Stt	Chức vụ	Số người	Mức lương kế hoạch	Tổng tiền lương
	Tiền lương của Người quản lý là ĐDV			1.512.600.000
1	Chủ tịch HĐQT	1	46.500.000	558.000.000
2	Tổng giám đốc	1	43.000.000	516.000.000
3	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	1	36.550.000	438.600.000
	Tiền lương của Người quản lý không là ĐDV			1.186.800.000
4	Phó Tổng giám đốc	1	34.400.000	412.800.000
5	Trưởng ban kiểm soát	1	32.250.000	387.000.000
6	Kế toán trưởng	1	32.250.000	387.000.000
	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách			168.000.000
7	Ủy viên HĐQT	1	4.000.000	48.000.000
8	Ủy viên HĐQT	1	4.000.000	48.000.000
9	Ủy viên BKS	1	3.000.000	36.000.000
10	Ủy viên BKS	1	3.000.000	36.000.000

Tổng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023: 2.867.400.000 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Chánh

Số: 34 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch SXKD - Tài chính - Tiền lương và Đầu tư năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về Kế hoạch SXKD - Tài chính - Tiền lương và Đầu tư năm 2023 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Sản xuất-tiêu thụ: 115.000 tấn thép cán

2. Kế hoạch tài chính

- Doanh thu thuần: 1.610 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 07 tỷ đồng

- Tỷ suất LNTT/Vốn CSH: 1,20%

- Tỷ suất LNTT/Tổng tài sản: 3,24%

- Dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt 0 %

3. Kế hoạch tiền lương

- Tổng tiền lương người lao động: 31.248,00 triệu đồng

- Tiền lương bình quân người lao động: 16,80 triệu đồng/người/tháng

- Tổng tiền lương người quản lý & thù lao HĐQT, BKS 2.867,40 triệu đồng

- Tổng quỹ lương kế hoạch 34.115,40 triệu đồng

Kế hoạch tiền lương năm 2023 có thể sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty Mẹ-Tổng Công ty Thép Việt Nam phê duyệt.

4. Kế hoạch đầu tư phát triển (Tờ trình chi tiết kèm theo)

5. Kế hoạch đầu tư mua sắm nâng cấp TSCĐ

Không có hạng mục đầu tư mới, chỉ có 01 hạng mục chuyên tiếp (2022) là Cụm đóng bó thép góc: Tổng vốn đầu tư: 6.500 triệu đồng; Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu 6.500 triệu đồng;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch đầu tư Dự án Sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép 150.000 tấn/năm

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về dự án đầu tư Sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép 150.000 tấn/năm như sau:

1. Mục tiêu đầu tư

- Bổ sung công đoạn Luyện phôi thép công suất 150.000 tấn/năm nhằm hoàn tất kế hoạch đầu tư hoàn chỉnh công nghệ “ Luyện – cán thép” của Công ty theo định hướng phát triển đã được phê duyệt.

- Thiết bị công nghệ đầu tư mới hiện đại, đồng bộ, đáp ứng các yêu cầu thân thiện với môi trường.

- Chủ động nguồn phôi thép cho sản xuất thép cán. Từ đó, chủ động trong kế hoạch sản xuất và cung cấp các sản phẩm thép xây dựng theo nhu cầu của thị trường, tối ưu hóa giá thành sản phẩm.

- Cung cấp trực tiếp phôi nóng cho Xưởng cán để tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất thép cán, hạ giá thành sản xuất, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thương hiệu VNSTEEL..

- Bước đầu tiếp cận, nghiên cứu và sản xuất các mác thép mới nhằm tạo lợi thế cạnh tranh riêng cũng như phát triển bền vững.

- Khai thác và tận dụng tối đa mặt bằng, các điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có và mức đầu tư hợp lý phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

2. Địa điểm đầu tư

Địa chỉ: Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL

Khu đất lô II, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Tổng diện tích khu đất 65.850 m²

- Diện tích dành cho dự án: ~ 30.000 m²

3. Quy mô đầu tư

- Công suất : 150.000 tấn/năm

- Công nghệ : Lò cảm ứng – Máy đúc liên tục

- Nguyên liệu chính : Sắt thép vụn.
- Sản phẩm
- + Phôi thép : 120x120 - 150x150 mm x 6m
- + Mác thép: cacbon chất lượng; thép hợp kim thấp độ bền cao theo TCVN và quốc tế.

4. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư dự kiến là **450.000 triệu đồng** (đã bao gồm VAT)

Trong đó:

- Thiết bị: 99.138 triệu đồng
- Xây lắp 99.407 triệu đồng
- Các chi phí khác 51.455 triệu đồng

5. Nguồn vốn đầu tư

Tổng nguồn vốn đầu tư: **510.000 triệu đồng**

Trong đó:

- Nguồn vốn cho thực hiện dự án (TMĐT): 450.000 triệu đồng

Trong đó:

- + Vốn chủ sở hữu: 180.000 triệu đồng
- + Vốn vay thương mại : 270.000 triệu đồng
- Huy động bổ sung vốn lưu động: 60.000 triệu đồng

6. Tiến độ thực hiện

Tổng thời gian thực hiện dự kiến: 22 tháng

Thời gian bắt đầu dự kiến: Tháng 04/2023 (thời điểm phê duyệt FS)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua nội dung sau:

1. Chấp thuận chủ trương kế hoạch đầu tư Dự án Sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép 150.000 tấn/năm.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và các quyết định thuộc thẩm quyền trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư.

Kính trình Đại hội đồng xem xét và biểu quyết.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Chánh

Số: 36 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
VỀ LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ quy định của pháp luật quy định về điều kiện của các công ty kiểm toán được phép kiểm toán báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2023 như sau:

Ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận dưới đây, danh sách đề xuất bao gồm:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
3. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh



Số: 37 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Hợp đồng mua bán và thế chấp tài sản Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua các nội dung như sau:

- Hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) >35% tổng giá trị tài sản công ty và hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan (Dự thảo Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam, Công ty cổ phần Thép Biên Hòa-VNSTEEL, Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL kèm theo)
- Thế chấp tài sản công ty có giá trị nguyên giá > 35% tổng giá trị tài sản của Công ty với các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Chánh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN THÉP TRẢ
CHẬM**

Hợp đồng số : **xx-2023/HĐTC-TMN**

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL, đại diện 2 đơn vị gồm:

Bên Bán: CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH - CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ – VNSTEEL(sau đây gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Số GCNĐKHĐCN : 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 02/04/2019.

Điện thoại : 0251 3569 672 Fax : 0251 3569 673

Mã số thuế : 0305393838-001

Tài khoản : - 1110 0010 6412 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam –CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.

- 1100 0000 5226 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam –CNI, TP.HCM.

- 3101 0000 793619 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – CN TP.HCM.

Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Do Ông : Giám Đốc làm đại diện

Bên Mua: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP MIỀN NAM – VNSTEEL
(sau đây gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Số GCNĐKDN : 3502269994 đăng ký lần đầu ngày 10/12/2014, thay đổi lần thứ 5 ngày 11/03/2020.

Điện thoại : 0254.3922091 Fax : 0254.3921005

Mã số thuế : 3502269994

Do Ông : – Tổng giám đốc làm đại diện.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng năm 2023 với nội dung như sau:

Điều 1: Sản phẩm, số lượng, giá bán và giá trị hàng hóa:

1.1 Sản phẩm:

- Hàng tháng Bên A bán cho Bên B các sản phẩm thép do bên A sản xuất.
- Các sản phẩm thép của Bên A được sản xuất theo tiêu chuẩn tương đương tiêu chuẩn Nhật (JIS), Mỹ (ASTM), Nga (GOST), Việt Nam (TCVN). Bên A cung cấp cho Bên B các sản phẩm có chất lượng đúng với tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa đã công bố.
- Bên A cung cấp các thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên A khi Bên B yêu cầu.

1.2 Số lượng:

Số lượng và quy cách được xác định theo từng lần đặt hàng căn cứ theo Lệnh xuất hàng do bên B lập.

Lệnh xuất hàng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

1.3 Đơn giá và giá trị hàng bán:

1.3.1. Giá bán nội địa:

- Đơn giá sẽ căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm và được thể hiện bằng văn bản được xác nhận bởi hai bên. Văn bản xác nhận giá là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

1.3.2. Giá bán xuất khẩu:

- Lệnh xuất hàng có ghi số hợp đồng “Annex No...” tại mục “Mã hợp đồng” được áp dụng giá bán xuất khẩu trên Thông báo giao hàng xuất khẩu do Bên B lập có xác nhận của Bên A được tính bằng USD quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày hoàn tất việc giao hàng, trừ chi phí phí thủ tục Hải quan là 15.000 đồng/tấn.

Điều 2. Phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận:

+ Đối với giao hàng bằng đường bộ: địa điểm giao nhận tại kho của bên A, trên phương tiện của bên B.

+ Đối với giao hàng bằng đường thủy: địa điểm giao nhận tại cảng ở các khu vực Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, và TP. Hồ Chí Minh, trên phương tiện của bên B.

+ Các hình thức giao nhận khác sẽ được thỏa thuận giữa 2 bên bằng phụ lục hợp đồng.

- Bốc xếp: Phương tiện vận chuyển do bên B điều động, bốc hàng lên phương tiện do Bên A chịu.

- Phương thức giao nhận: Bên A xuất hàng theo chỉ định của Bên B, thể hiện bằng Lệnh xuất hàng của Bên B phát hành. Bên B cử người đại diện làm thủ tục nhận hàng tại

nhà máy Bên A. Sau khi hoàn tất thủ tục giao nhận, căn cứ theo chứng từ xác định khối lượng và văn bản thỏa thuận giá tại thời điểm giao hàng, Bên A xuất hóa đơn GTGT cho Bên B.

- Kể từ thời điểm hoàn tất giao nhận hàng, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về số lượng hàng đã nhận của bên A.

Điều 3. Phương thức thanh toán.

- Bên A đồng ý bán sản phẩm cho bên B theo phương thức bán hàng tín chấp với hạn mức nợ là: 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

- Khi đến hạn thanh toán, Bên B thanh toán 100% giá trị của hóa đơn GTGT đã xuất bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của Bên A hoặc thanh toán bằng hình thức Biên bản bù trừ công nợ mua, bán giữa hai Bên (nếu có).

- Ngày đến hạn thanh toán của các hóa đơn xuất bán hàng theo Lệnh xuất hàng nội địa là ngày thứ 04 kể từ ngày xuất hóa đơn.

- Ngày đến hạn thanh toán của các hóa đơn bán hàng theo Lệnh xuất hàng xuất khẩu là ngày thứ 40 kể từ ngày xuất hóa đơn.

- Nếu ngày đến hạn thanh toán là các ngày thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày Lễ theo quy định của Nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp.

- Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, bên B phải thanh toán cho bên A tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng 3%/năm, trong trường hợp bên B trả nợ trước hạn bên B được hưởng tiền lãi trả trước hạn tính trên phần tiền trả trước hạn theo lãi suất tính trả chậm và được bù trừ khi tính tiền lãi trả chậm.

Điều 4. Trách nhiệm của hai bên

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- Cung cấp kịp thời các sản phẩm, đúng quy cách và chủng loại theo yêu cầu của Bên B trong khả năng của Bên A.

- Cung cấp kịp thời các thay đổi về giá bán sản phẩm cho Bên B.

- Đổi lại các sản phẩm bị hư hỏng trong quá trình bốc xếp do phía Bên A gây ra hay các sản phẩm không đúng tiêu chuẩn mà bên B yêu cầu trong thời gian ngắn nhất có thể.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

- Nhanh chóng thỏa thuận giá cả mỗi khi bên A có đề nghị điều chỉnh giá.

- Thanh toán tiền mua hàng cho Bên A đúng hạn.

- Phối hợp cùng Bên A quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm của Bên A.

- Hỗ trợ cho Bên A những thông tin trung thực của thị trường như: Tình hình tiêu

th ụ, giá cả biến động, lượng hàng tồn đọng, các yêu cầu về chất lượng ...

Điều 5. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

- Khi có phát sinh tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết.

- Nếu các tranh chấp không tự giải quyết được bằng thương lượng hoặc bằng hòa giải thì hai bên thống nhất đưa ra xét xử ở tòa án có thẩm quyền tại TP. Hồ Chí Minh.

Điều 6. Thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

Điều 7. Điều khoản chung

- Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh khó khăn hay trở ngại thì các bên có trách nhiệm thông báo cho nhau, trong vòng 07 ngày hai bên tổ chức cuộc họp để thảo luận và cùng hợp tác để giải quyết. Hợp đồng chỉ được sửa đổi khi hai bên cùng đồng ý và ký phụ lục hợp đồng để thực hiện.

- Các phụ lục hợp đồng là phần không tách rời của hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản đều có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

Số : xxx/HĐ 2023/VCS-TNB

DỰ THẢO

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2023 tại Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, đại diện hai bên là:

Bên A(Bên bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

- Do ông : - Tổng Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (0251) 3836.148 - Fax: (0251)3836.505
- Tài khoản : 10201.0000.601078-NH TMCP Công Thương CN1, Tp Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 3600961762

Bên B (Bên mua): CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ- VNSTEEL

- Do ông : - Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II-Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Số giấy phép ĐKKD: 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04/01/2012.
- Chủ TK : **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ -VNSTEEL**
- Tài khoản : 111000106412- NH TMCP Công Thương VN-CN Nhơn Trạch.
- Hoạch TK số : 31010000793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Tp.HCM.
- Điện thoại : (0251) 3569.672 - Fax: (0251)3569.673.
- Mã số thuế : 0305393838-001.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HOÁ - QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

Bên A đồng ý bán và giao hàng, Bên B đồng ý mua và nhận hàng phôi thép với quy cách và trọng lượng như sau:

1.1 Mô tả hàng hóa: **Phôi thép CB300V hoặc CB240T.**

1.2 Kích cỡ : 120 x 120 x 6.000 mm.

1.1 Số lượng: Theo từng đơn hàng có Phụ lục thống nhất theo từng tháng.

1.2 Thành phần hóa học:

- Mác CB300V : Theo TCVN 1651-2:2018.
- Mác CB240T : Theo TCVN 1651-1:2018.

1.3 Yêu cầu kỹ thuật:

- Đơn trọng : 669(0,+4) Kg.
- Dung sai về kích cỡ : +/- 4 mm.
- Chênh lệch đường chéo : 12 mm max.
- Bề mặt không có vết nứt, gấp nếp, hờ, hai đầu không có lỗ thủng.
- Đánh dấu: Thanh phôi phải được sơn số mẻ và sơn màu xanh đầu thanh đối với CB300V; màu đỏ đối với CB240T.
- Hàng rời hoặc đóng bó theo tiêu chuẩn của Công Ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.
- Xuất xứ: Công Ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL - KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ

2.1 Đơn giá được thể hiện cụ thể trên Báo giá và Phụ lục đính kèm theo từng đơn hàng.

ĐIỀU 3 : THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

3.1 Thời gian giao hàng : Thỏa thuận theo các đơn hàng mỗi tháng, được thể hiện trên Báo giá.

3.2 Địa điểm giao hàng: Trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Bên B (KCN Nhơn Trạch 2-Nhon Phú, Xã Phú Hội - Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai).

3.3 Cơ sở xác định trọng lượng:

- Căn cứ số lượng xác định qua cân của Bên B, hai bên cùng tổng hợp, lập Biên bản giao nhận hàng hóa được đại diện có thẩm quyền ký xác nhận ngay sau khi Bên A hoàn tất việc giao hàng.
- Trong trường hợp nghi ngờ và/hoặc phát hiện hàng có tồn thất, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản nhận hàng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A để kịp thời đự kháng khiếu nại và có biện pháp xử lý.

ĐIỀU 4: LẬP HÓA ĐƠN & THANH TOÁN

4.1 Lập hóa đơn: Số lượng hàng hóa trên hóa đơn là số lượng trên Biên bản giao nhận đã được đại diện có thẩm quyền hai bên ký xác nhận.

4.2 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ (nếu có).

4.3 Thời hạn thanh toán: Bên B sẽ thanh toán cho Bên A toàn bộ giá trị của lô hàng sau khi hoàn tất việc giao nhận và bên B nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- + Hóa đơn GTGT điện tử.
- + Biên bản giao nhận.
- + Bảng Thành phần hóa học của lô hàng.
- Thời gian từ 0-10 ngày: Lãi suất 0%
- Từ 11-60 ngày: Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN TP.HCM cộng 3%/năm.
- Từ ngày thứ 61-90: Lãi suất áp dụng bằng 150% so với lãi suất vay trên.

ĐIỀU 5: VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

5.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

5.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở

thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia.

Phạt vi phạm giao nhận Hàng hóa:

- a) Nếu đến thời hạn giao Hàng hóa, mà Bên A không giao và/ hoặc giao không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên A phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị số Hàng hóa không giao và/ hoặc giao không đủ. Đồng thời, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm. Tiền phạt, sẽ được căn trừ vào công nợ tại thời điểm thanh toán.
- b) Nếu đến thời điểm giao Hàng hóa, mà Bên B từ chối nhận hàng và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị Hàng hóa mà Bên B từ chối nhận. Đồng thời, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 6: GIÁM ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG

6.1 Số lượng, trọng lượng: Theo Biên bản giao nhận hàng hóa giữa hai bên.

Trường hợp Bên B nghi ngờ chất lượng phôi thép Bên A giao cho Bên B không đạt chất lượng quy định tại Điều 1, Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký biên bản giao nhận hàng. Hai bên tiến hành thương lượng bằng hình thức đối hàng trên nguyên tắc hợp tác hữu hảo.

Trường hợp không thương lượng được, Bên A sẽ mời đơn vị giám định độc lập thực hiện giám định hàng hóa. Kết quả giám định là cơ sở giải quyết khiếu nại. Nếu kết quả giám định không phù hợp với quy định của hợp đồng, chi phí giám định do Bên A chịu; nếu kết quả giám định phù hợp với quy định của hợp đồng, chi phí giám định do Bên B chịu.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

7.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Giao hàng cho Bên B đủ số lượng, đúng chất lượng và đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng này và (các) phụ lục (nếu có).
- Đảm bảo rằng hàng hóa được mua bán theo Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A và cam đoan rằng hàng hóa hiện không có nguy cơ là đối tượng bị tranh chấp.
- Phát hành đầy đủ và kịp thời hoá đơn GTGT điện tử và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa theo quy định của Hợp đồng này.
- Trong suốt quá trình giao hàng tại Nhà máy của Bên B, Bên A phải đảm bảo rằng mọi nhân sự của Bên A và/hoặc Bên thứ ba theo chỉ định của Bên A tham gia vào quá trình giao nhận hàng sẽ nghiêm chỉnh tuân thủ mọi nội quy và quy trình nội bộ của Bên B cũng như hướng dẫn của Bên B. Trường hợp nhân sự của Bên A và/hoặc Bên thứ ba theo chỉ định của Bên A vi phạm nội quy và quy trình nội bộ của Bên B mà gây tổn thất cho Bên B, thì Bên A cam kết sẽ chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất (nếu có) cho Bên B do hành vi vi phạm gây ra.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A kế hoạch nhận hàng trước 3 ngày làm việc. Khi Bên A thông báo giao hàng, Bên B có trách nhiệm bố trí kho bãi, nhân lực chuẩn bị tiếp nhận hàng.
- Phối hợp với Bên A để giao nhận hàng hóa, đảm bảo giải phóng phương tiện của Bên A kịp tiến độ. Nếu Bên B chậm dỡ hàng và/hoặc kéo dài thời gian dỡ hàng, Bên B phải chịu mọi

chi phí động vốn, chi phí quản lý và chi phí vận tải, chi phí lưu xe phát sinh do việc chậm dỡ hàng gây ra.

- Thanh toán đúng thời hạn theo quy định tại Điều 4.3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu bên nào có khó khăn, vướng mắc thì thông báo cho bên kia biết để cùng phối hợp giải quyết.
- Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng đều được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần tôn trọng và hợp tác, bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. Nếu không giải quyết được sẽ chuyển đến Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu.
- Mọi sửa đổi bổ sung trong thời gian hiệu lực của hợp đồng phải được sự nhất trí của hai bên và lập thành văn bản. Văn bản, phụ lục bổ sung (nếu có) là một phần không thể tách rời của hợp đồng.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2023.
- Sau 30 ngày kể từ ngày các bên đã hoàn tất các nghĩa vụ của mình và không có tranh chấp xảy ra thì hợp đồng được mặc nhiên thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

DỰ THẢO

Số : xxx/HĐ2023/TNB-VKC

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2023 tại H.Nhon Trạch-T.Đồng Nai, đại diện hai bên là:

Bên A (Bên mua): CN NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

- Do ông : - Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II-Nhon Phú, Phú Hội, Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Số giấy phép ĐKKD: 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04/01/2012.
- Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ -VNSTEEL
- Tài khoản : 111 000 106412 – NHTMCP Công Thương VN – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- Hoạch TK số : 31010 000 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Tp.HCM
- Điện thoại : 0251.356 9672 - Fax: 0251.356 9672
- Mã số thuế : 0305 393 838-001.

Bên B (Bên bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC-VNSTEEL

- Do ông : - Tổng Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : Km9 xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.
- Điện thoại : (028) 38969612-37312466 - Fax: (028) 37310154
- Tài khoản : 115000005273 Ngân Hàng Công Thương CN1, Tp Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 0305409326

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép năm 2023 với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA, QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, GIÁ CẢ, XUẤT XỨ

1.1 Hàng hóa:

- Hàng tháng, Bên B bán cho Bên A các sản phẩm phôi thép do Bên B sản xuất dựa theo nhu cầu của Bên A và khả năng cung cấp của bên B.
- Các sản phẩm phôi thép của bên B được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt nam (TCVN), tiêu chuẩn Nhật (JIS)
- Bên B cung cấp đầy đủ các thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên B khi bên A yêu cầu.

- Yêu cầu về kỹ thuật:

+ Dung sai về chiều rộng: +/-2%

- + Chênh lệch đường chéo: 12mm max
 - + Độ xoắn: 2 độ/mét max
 - + Độ cong cho phép/camber: 10mm/m max
 - + Bề mặt không bị nứt, gập nếp, hai đầu phôi không có rỉ co, phôi không rỉ bên trong
 - + Đóng gói: Hàng rời theo tiêu chuẩn của nhà máy.
 - + Đánh dấu: Số lô, số mẻ sản xuất được ghi rõ ở đầu mỗi thanh phôi.
- Xuất xứ: Công ty CP Thép Thủ Đức-Vnsteel; địa chỉ: Km9 Xa lộ Hà nội, phường Trường Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

1.2 Số lượng, quy cách:

Số lượng và quy cách sản phẩm phôi thép được xác định theo nhu cầu hàng tháng của bên A và khả năng cung cấp của Bên B, nhưng không quá 3.000 tấn/tháng. Cơ sở xác định trọng lượng: Là trọng lượng phôi thép thực tế theo cân điện tử tại nhà máy Bên mua. Các bên sẽ cử đại diện giám sát việc giao nhận hàng và cùng ký xác nhận bằng Biên bản giao nhận hàng.

Tổng khối lượng phôi thép thực hiện năm 2023 dự kiến khoảng 12.000 tấn.

1.3 Đơn giá:

Đơn giá sẽ căn cứ theo thỏa thuận giữa hai Bên tại từng thời điểm và được thể hiện bằng Phụ lục hợp đồng được ký xác nhận bởi hai Bên.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

1. Địa điểm giao hàng: Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty CP Thép Nhà Bè - KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

2. Phương thức giao hàng: Bên B giao hàng cho Bên A trên phương tiện vận tải của Bên B tại kho Bên A làm một/ nhiều đợt. Bên B có trách nhiệm thông báo thời gian và lượng hàng giao để Bên A bố trí người và phương tiện nhận hàng.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Bên B đồng ý bán sản phẩm phôi thép cho bên A theo phương thức bán hàng tín chấp với hạn mức nợ không quá 45.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng)

3.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

3.3 Thời hạn thanh toán:

- Giá trị hàng hóa được thanh toán theo từng đợt giao hàng dựa trên khối lượng hàng hóa giao nhận thực tế tại kho của Bên mua với thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành việc giao hàng và xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

- Nếu ngày đến hạn thanh toán là các ngày thứ bảy, Chủ nhật, các ngày lễ theo quy định của Nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp.

- Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, Bên A phải thanh toán cho Bên B tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Hồ Chí Minh cộng 3,0%/ năm. Thời gian chậm trả không quá 30 ngày. Nếu quá thời hạn trả chậm nợ quá hạn, Bên A vẫn chưa thanh toán cho Bên B, thì Bên A phải chịu lãi suất phạt bằng 150% lãi suất nợ quá hạn cho số tiền quá hạn.

3.4 Chứng từ thanh toán:

- Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của đại diện cán bộ giao nhận hai bên.
- Hóa đơn tài chính do Bên B cấp.
- Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của lô hàng.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên B:

- Cung cấp kịp thời các thông tin về khả năng, giá bán từng thời điểm khi nhận được yêu cầu của bên A.
- Giao hàng cho bên A đủ số lượng, đúng chất lượng và đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng / Phụ lục hợp đồng.
- Đảm bảo rằng hàng hóa mua bán theo Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên B và cam đoan rằng hàng hóa hiện không có nguy cơ tranh chấp.
- Phát hành đầy đủ và kịp thời Hóa đơn GTGT điện tử và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.
- Trong quá trình giao hàng tại nhà máy của Bên A, Bên B phải bảo đảm rằng mọi nhân sự của Bên B và/ hoặc bên thứ ba theo chỉ định của bên B phải nghiêm chỉnh tuân thủ nội quy và quy trình nội bộ cũng như hướng dẫn của bên A. Trường hợp vi phạm mà gây tổn thất cho Bên A, thì Bên B cam kết sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A.

4.2 Trách nhiệm của Bên A

- Thông báo cho Bên B kế hoạch nhận hàng trước hai ngày làm việc; chuẩn bị kho bãi, nhân lực để tiếp nhận hàng.
- Phối hợp với Bên B để giao nhận hàng, bảo đảm giải phóng phương tiện nhanh chóng đúng tiến độ. Nếu xuống hàng chậm và/ hoặc kéo dài thời gian xuống hàng, Bên A phải chịu mọi chi phí đọng vốn, lưu xe do chậm xuống hàng gây ra.
- Thanh toán đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG:

5.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

5.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia.

Phạt vi phạm giao nhận Hàng hóa:

- a) Nếu đến thời hạn giao Hàng hóa, mà Bên B không giao và/ hoặc giao không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị số Hàng hóa không giao và/ hoặc giao không đủ. Đồng thời, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác

(nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm. Tiền phạt, sẽ được căn trừ vào công nợ tại thời điểm thanh toán.

b) Nếu đến thời điểm giao Hàng hóa, mà Bên A từ chối nhận hàng và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên A phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị Hàng hóa mà Bên A từ chối nhận. Đồng thời, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đã ký giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 6: KHIẾU NẠI:

6.1 Bên B có trách nhiệm nhận lại hàng nếu hàng giao không đạt chất lượng như Điều 1 của Hợp đồng này. Trường hợp khiếu nại về chất lượng và số lượng: Bên A thông báo và gửi khiếu nại cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc giao nhận hàng tại kho Bên A.

6.2 Bên B phải giải quyết khiếu nại về chất lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại của Bên A. Việc giải quyết khiếu nại căn cứ vào kết quả kiểm tra của Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm và đo lường của NBS. Trường hợp Bên B muốn có chứng thư giám định của đơn vị độc lập, bên B có thể mời giám định SGS. Chi phí giám định và chi phí khiếu nại do bên có lỗi chịu.

6.3 Bên A có quyền dừng việc thanh toán cho Bên B nếu phát hiện hàng không đảm bảo chất lượng như cam kết của Điều 1 Hợp đồng này nhưng tổng số tiền dừng thanh toán không vượt quá 20% tổng trị giá hợp đồng.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG:

Trong trường hợp như hỏa hoạn, lụt lội, chiến tranh dẫn đến việc không thực hiện được toàn bộ hay một phần của Hợp đồng thì các bên sẽ được giải phóng trách nhiệm mà không bên nào có lỗi.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

8.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn phát sinh, hai bên sẽ kịp thời thông báo cho nhau và cùng nhau phối hợp giải quyết. Mọi tranh chấp phát sinh mà hai bên không tự thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của toà án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên phải tuân thủ. Toàn bộ án phí do bên có lỗi chịu.

8.2 Mọi sửa đổi, bổ sung trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng phải được sự nhất trí của hai bên bằng phụ lục hợp đồng có chữ ký và dấu của hai bên. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

8.3 Hợp đồng được chấp nhận ký bằng bản fax hoặc bản gốc và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

8.4 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi hai bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ ghi trong bản hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Số: 38 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng, chỉ đạo và giám sát việc ký kết, thực hiện Hợp đồng đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và hiệu quả cho Công ty và cổ đông của Công ty. Cụ thể như sau:

Hạn mức tín chấp bán hàng: 150 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh



Số: 39 /TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về nhân sự Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông; quy định thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

Năm 2023 là năm kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 của HĐQT và BKS.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về nhân sự bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

- Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị (Danh sách kèm)
- Danh sách ứng cử viên Ban kiểm soát (Danh sách kèm)

Hội đồng quản trị CTCP Thép Nhà Bè-VNSTEEL đã kiểm tra xem xét hồ sơ cá nhân, nhất trí làm thủ tục giới thiệu các ứng viên nói trên ra Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 để bầu cử 05 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết để tiến hành bỏ phiếu bầu theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu cử.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CTCP THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41 /NBS-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

DANH SÁCH

Nhân sự đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023-2028

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị, bộ phận công tác	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
		Nam	Nữ			
1	Lê Việt	1963		Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, Tổng giám đốc CTCP Thép Nhà Bè-VNSTEEL	Kỹ sư cơ khí	
2	Nguyễn Minh Tính	1972		Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc CTCP Mạ kẽm công nghiệp Vinal-VNSTEEL	Kỹ sư cơ khí	
3	Nguyễn Hữu Khánh	1976		Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, Phó Tổng giám đốc CTCP Thép Nhà Bè-VNSTEEL	Kỹ sư cơ học biến dạng cán kéo kim loại	
4	Phạm Công Dũng	1975		Phó Chánh Văn phòng phụ trách chung Văn phòng Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP	Thạc sỹ kỹ thuật Vật liệu, Thạc sỹ Quản trị công nghệ và Phát triển doanh nghiệp	
5	Hoàng Lê Ánh		1970	Trưởng ban Kiểm soát CTCP Kim khí TP. HCM	Cử nhân Tài chính Kế toán	
6	Nguyễn Thúy Ly		1975	Giáo viên Trường THPT Trần Phú	Cử nhân Vật lý	

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CTCP THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 /NBS-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

DANH SÁCH

Nhân sự đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử, đề cử vào BKS Công ty nhiệm kỳ 2023-2028

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị, bộ phận công tác	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
		Nam	Nữ			
1	Cù Thị Thùy Linh		1977	Phó Trưởng phòng KHHTT Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP, Thành viên BKS CTCP Thép Nhà Bè-VNSTEEL nhiệm kỳ 2018-2023	Cử nhân QTKD, Cử nhân Tiếng Anh	
2	Nguyễn Quốc Thiệu	1975		Trưởng BKS CTCP Thép Nhà Bè-VNSTEEL nhiệm kỳ 2018-2023	Kỹ sư điện, Cử nhân QTKD	
3	Bùi Văn Vĩnh	1969		Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023, Trưởng phòng TCHC CTCP Thép Nhà Bè-VNSTEEL	Cử nhân QTKD, Cử nhân Quản trị Nhân lực	

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

BÁO CÁO
KIỂM ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nhiệm kỳ 2018-2023

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Nhân sự Hội đồng quản trị

Tại phiên họp thường niên ngày 27/3/2018 của Đại hội đồng cổ đông CTCP Thép Nhà Bè, 5 thành viên HĐQT Công ty đã được bầu là:

- Ông Nguyễn Văn Chánh - Đại diện vốn Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP: 24,87% vốn điều lệ (VĐL).
- Ông Lê Việt - Đại diện vốn Tổng Công ty thép Việt Nam-CTCP: 21,17% VĐL.
- Bà Đặng Thị Linh - Đại diện vốn Tổng Công ty thép Việt Nam-CTCP: 10,36% VĐL.
- Ông Lê Xuân Anh - Đại diện vốn Tổng Công ty thép Việt Nam-CTCP: 9,37% VĐL.
- Ông Trương Bá Liêm - Đại diện vốn CTCP Kim khí TPHCM: 10% VĐL.

Tháng 5/2020, Bà Đặng Thị Linh có đơn xin từ nhiệm đề nghị hưởng chế độ hưu trí. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 29/5/2020 đã bầu ông Nguyễn Hữu Khánh- Đại diện 10,36% VĐL của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP.

Tháng 3/2022, ông Trương Bá Liêm có đơn xin từ nhiệm. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 ngày 25/3/2022 đã bầu ông Võ Trí Nghĩa - Đại diện vốn của Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh nắm giữ 10% VĐL.

1.2. Phân công nhiệm vụ các thành viên

Hội đồng quản trị được phân công như sau:

- Ông Nguyễn Văn Chánh - Chủ tịch chuyên trách HĐQT, chịu trách nhiệm chung và xây dựng các chính sách phát triển cho Công ty.
- Ông Lê Việt - Tổng giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển tài sản của Công ty.
- Ông Nguyễn Hữu Khánh - Phó Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật, chính sách chất lượng, tham gia xây dựng kế hoạch trung và dài hạn.
- Ông Lê Xuân Anh - Thành viên không điều hành, Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng Công ty Thép Việt Nam, chịu trách nhiệm phối hợp giữa HĐQT Công ty với các ban chuyên môn Tổng Công ty về công tác nhân sự, tiền lương.

- Ông Võ Trí Nghĩa (thành viên không điều hành) cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty, phối hợp hoạt động giữa Công ty CP thép Nhà bè và Công ty CP kim khí TPHCM để phát huy lợi thế trong SX-KD.

1.3. Hoạt động của HĐQT

- Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ 4 lần/năm với các nội dung: kiểm điểm đánh giá kết quả SX-KD các quý trong năm, thông qua các biện pháp về quản trị công ty, xây dựng ban hành các chính sách lớn về đầu tư.

- Các cuộc họp và lấy ý kiến HĐQT được tiến hành đúng thủ tục, đảm bảo chất lượng làm việc.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG TRONG NHIỆM KỲ

2.1. Tình hình chung

2.1.1. Khó khăn

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 khởi phát từ cuối năm 2019, lây lan rộng trong năm 2020 và đặc biệt bùng phát mạnh trong năm 2021 đã gây ra nhiều khó khăn trong công tác điều hành, công tác sản xuất kinh doanh.

- Xung đột chính trị Nga-Ucraina leo thang đẩy giá dầu, khí đốt, nguyên vật liệu tăng cao, là nguyên nhân chính tác động đến thị trường hàng hóa trong đó có các mặt hàng sắt thép. Những chính sách của Trung Quốc kiểm soát về bất động sản, kiểm soát dịch bệnh Covid-19 làm nhu cầu thép sụt giảm.

- Tình hình cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm ngày càng khốc liệt, việc mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm ngày càng khó khăn.

- Giá phôi nội địa thường xuyên biến động bất thường, trong khi giá sản phẩm tăng chậm và luôn phụ thuộc các nhà sản xuất lớn, làm giảm đáng kể hiệu quả trong kinh doanh.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao tại khu vực Nhơn Trạch, Long Thành khó tuyển và không ổn định.

2.1.2. Thuận lợi

- Thương hiệu thép chữ /V/ ngày càng có vị trí và uy tín vững chắc trên thị trường tiêu thụ thép xây dựng và người tiêu dùng, lòng tin và tình cảm của người tiêu dùng và các đại lý bán hàng với Công ty ngày càng được củng cố.

- Sự liên kết trong hệ thống Tổng công ty có tác động tích cực trong hoạt động SXKD của Công ty, nhất là những thời điểm khó khăn.

2.2. Những nội dung đã thực hiện

2.2.1. Các chỉ tiêu SXKD (Phụ lục 1 kèm theo)

2.2.2. Về công tác pháp lý và tái cơ cấu

- Xây dựng, ban hành, sửa đổi điều lệ 3 lần (tháng 5/2020, tháng 3/2021 và tháng 10/2022) kèm theo thay đổi Giấy CNĐKKD

- Sửa đổi bổ sung ban hành 11 quy chế (quy chế tiền lương, quản lý cán bộ, quy chế hoạt động của HĐQT, BKS, Quy chế quản trị công ty, Quy chế tài chính, Quy chế bán hàng, Quy chế mua NVL-vật tư,...)

- Thực hiện việc tái cấu trúc bộ phận sản xuất, chia tách PXC thành hai phân xưởng, sắp xếp, tổ chức lại với nguồn nhân lực hiện có theo hướng chuyên môn hóa trong công tác tổ chức sản xuất và quản lý, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Dự án đầu tư bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000t/năm đã được Tổng công ty chấp thuận chủ trương và bổ sung vào kế hoạch năm 2022, hiện đang triển khai các bước theo đúng qui định về quản lý đầu tư.

2.2.3. Về định hướng phát triển

- Về sản phẩm: xây dựng kế hoạch sản xuất thép góc lớn đến 120x120

- Về công nghệ: hoàn thiện đầu tư dàn cán thô hàng dọc 6 giá.

- Xây dựng kế hoạch và đầu tư hoàn thành dự án đầu tư xưởng luyện thép.

2.3. Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT

2.3.1. Về ưu điểm

- Luôn coi trọng và đặt hài hòa lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động lên trên hết, không có các hành vi vi phạm pháp luật, điều lệ và đạo đức kinh doanh.

- Phát huy cao độ tính năng động, sáng tạo, nắm bắt thời cơ trong kinh doanh, luôn đảm bảo cung cấp đủ sản phẩm ra thị trường.

- Chấp hành nghiêm Điều lệ, quy chế quy định, quy chế đại diện vốn của Tổng Công ty.

2.3.2. Về hạn chế

- Chiến lược kinh doanh-tiếp thị chưa phong phú, kết quả mở rộng thị trường thép góc còn khiêm tốn chưa xứng với năng lực sản xuất của Công ty.

- Chiến lược đầu tư chủ yếu mới chỉ tập trung hạng mục nhỏ lẻ, chưa có các công trình, hạng mục mang tính đột phá, quyết định đến chiến lược SXKD của Công ty.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023. Kính trình quý vị cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

Phụ lục 1: Tổng hợp số liệu nhiệm kỳ 2018-2023

Stt	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Năm 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	150.000	149.733	100%	170.000	175.457	103%	155.000	166.211	107%	155.000	132.532	86%	150.000	115.249	77%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	150.000	150.555	100%	150.000	151.905	101%	150.000	162.343	108%	155.000	124.923	81%	150.000	118.232	79%
3	Doanh thu thuần	Tr.đ	1.824.725	2.098.961	115%	2.088.702	1.962.208	94%	2.021.272	1.877.576	93%	1.838.094	1.978.066	108%	1.838.094	1.992.463	108%
4	Chi phí, trong đó: - Chi phí quản lý (đã loại trừ tiền lương, thu nhập)	Tr.đ	79.045	81.908	104%	84.708	98.322	116%	84.708	91.256	108%	89.002	81.184	91%	89.002	57.831	65%
	- Chi phí bán hàng (-nt-)	Tr.đ	19.000	19.784	104%	16.106	17.992	112%	14.335	16.111	112%	16.000	13.573	85%	16.000	18.122	113%
	- Chi phí tiền lương, thu nhập	Tr.đ	29.045	29.530	102%	35.607	38.814	109%	38.084	41.131	108%	39.085	33.448	86%	39.085	31.852	0%
	- Chi phí tài chính (lãi vay, chênh lệch tỷ giá)	Tr.đ	9.000	11.463	127%	9.830	16.952	172%	12.919	11.744	91%	12.000	12.209	102%	12.000	16.785	140%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	9.600	14.273	149%	5.600	18.995	339%	8.000	20.254	253%	9.600	9.786	102%	9.600	-8.385	-87%
6	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,9	8,8	180%	3,11%	10,20%	328%	4,17	10,14	243%	5,24	5,01	96%	5,24	-4,73	-90%
7	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,23	3,4	276%	1,29%	3,71%	288%	1,66	5,6	337%	2,12	1,61	76%	2,12	-2,31	-109%
8	Nợ phải thu khó đòi/ Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	%	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

Stt	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Năm 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
9	Hệ số nợ phải trả (= Nợ phải trả (Mã 300-BCĐKT)/Vốn chủ sở hữu (Mã 300-BCĐKT))	Lần	2,48	1,99	0,80	1,41	1,76	1,25	1,52	0,81	0,53	1,47	2,12	1,44	1,47	1,05	71%
10	Khả năng thanh toán nợ đến hạn (=Tài sản ngắn hạn (Mã 100-BCĐKT(loại trừ nợ phải thu khó đòi)/ Nợ ngắn hạn (Mã 300-BCĐKT)).	Lần	1,03	1,12	1,09	1,20	1,15	0,96	1,19	1,43	1,20	2,40	1,17	0,49	2,40	1,36	57%
11	Hệ số tài trợ Tài sản dài hạn = (Nợ dài hạn+Vốn chủ sở hữu)/Tài sản dài hạn (lần)	Lần	1,02	1,30	1,27	1,34	1,33	0,99	1,36	1,46	1,07	1,39	1,53	1,10	1,39	1,59	114%

Số: 43 /NBS-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUY CHẾ
THAM GIA ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023-2028
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Số lượng thành viên: 05 người
- Nhiệm kỳ: 5 năm (2023-2028)
- Số lượng ứng cử viên: Không giới hạn
- Điều kiện ứng cử, đề cử và tiêu chuẩn ứng cử viên
 - Theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:
 - Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử năm (05) ứng viên trở lên.
 - Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, cụ thể:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa 05 công ty khác

2. Ban Kiểm soát (BKS)

- Số lượng thành viên: 3 người
- Nhiệm kỳ: 5 năm (2023-2028)
- Số lượng ứng cử viên: Không giới hạn
- Điều kiện ứng cử, đề cử và tiêu chuẩn ứng cử viên

• Theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 75% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 75% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên.

• Thành viên BKS phải là người có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Nguyên tắc bầu cử

- Danh sách ứng cử viên bầu vào Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) được hình thành theo nguyên tắc: dựa trên Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, HĐQT sẽ lựa chọn các ứng cử viên bầu vào HĐQT và các ứng cử viên BKS đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS;

- Việc bầu cử các thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp, theo hình thức công khai, trực tiếp, bỏ phiếu kín.

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự được phát một phiếu bầu thành viên HĐQT cho toàn bộ số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

- Cổ đông lựa chọn từ 1 đến 5 trong số các ứng cử viên bầu vào HĐQT và lựa chọn 1 đến 3 ứng cử viên bầu vào BKS. Cổ đông ghi số phiếu biểu quyết của mình cho từng ứng cử viên mình chọn tại ô số phiếu bầu của ứng cử viên, nếu không bầu cho người nào trong danh sách bầu cử thì ghi số “0” hoặc để trống tại ô số phiếu bầu của ứng cử viên đó.

4. Phiếu bầu cử

4.1. Phiếu hợp lệ

- Là các phiếu bầu theo mẫu in sẵn tên các ứng cử viên theo thứ tự ABC của Ban bầu cử phát hành, có đóng dấu treo của CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

- Phiếu bầu đúng hoặc không vượt quá tổng số quyền được bầu.

- Không được gạch xóa, cạo, sửa.

4.2. Phiếu không hợp lệ

- Không do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu của công ty theo quy định.

- Phiếu bầu quá số người quy định, ghi thêm tên người khác vào danh sách, hoặc không bầu ai.

- Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu

- Phiếu gạch xóa, cạo, sửa.

5. Nguyên tắc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử vào HĐQT và BKS

- Số phiếu bầu được tính theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng cổ phần đại diện nhân với số thành viên tối đa được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Người trúng cử thành viên HĐQT và BKS được xác định theo thứ tự người có số phiếu bầu cao nhất đến người có số phiếu bầu thấp hơn cho đến khi đủ số lượng (05 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS).

- Trong trường hợp có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì người nào sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu sở hữu cổ phần bằng nhau thì người nào có thâm niên công tác trong khu vực doanh nghiệp Nhà nước cao hơn sẽ đắc cử. Nếu thâm niên công tác trong khu vực doanh nghiệp Nhà nước vẫn bằng nhau thì Đoàn Chủ tịch xin phép Đại hội thảo luận và quyết định.

- Nếu bầu lần thứ nhất mà số lượng thành viên HĐQT, BKS chưa đủ số lượng, Đoàn Chủ tịch sẽ tổ chức thực hiện bầu lại lần hai để lựa chọn đủ số thành viên HĐQT, BKS trong số các ứng cử viên không trúng cử ở lần bầu cử thứ nhất. Nếu lần bầu cử thứ hai vẫn không đủ số lượng thì Đoàn Chủ tịch xin phép Đại hội thảo luận và quyết định.

6. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT/ BKS

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử bầu vào HĐQT/ BKS: 01 bộ, bao gồm:

- Đơn ứng cử, đề cử tham gia HĐQT/ BKS (theo mẫu kèm);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu kèm);
- Bản sao có công chứng: Căn cước công dân, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

Hồ sơ xin gửi về địa chỉ dưới đây trước ngày 07/4/2023:

Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

KCN Nhơn Trạch 2 – Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3569 672 – Fax: (0251) 3569 673

Email: thepnhabe@nbsteel.vn - website: www.nbsteel.vn

7. Hiệu lực thi hành

- Quy chế bầu cử này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 50% trở lên sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Chánh

Số: 44 /NBS-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2023

HƯỚNG DẪN BẦU HĐQT VÀ BKS (Theo phương thức bầu dồn phiếu)

Ví dụ Cổ đông đại diện sở hữu tại đại hội là 1.000 cổ phần (bao gồm sở hữu và ủy quyền) thực hiện bầu HĐQT thì tổng số phiếu bầu của cổ đông là: $1000 \times 5 = 5.000$ phiếu bầu

Trường hợp 1: cổ đông chia đều số phiếu bầu của mình cho 5 ứng viên:

Stt	Họ tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	Ứng viên A	1.000
2	Ứng viên B	1.000
3	Ứng viên C	1.000
4	Ứng viên C	1.000
5	Ứng viên E	1.000
	Tổng số phiếu bầu	5.000

Trường hợp 2: cổ đông dồn phiếu bầu của mình cho 3 ứng viên nhưng không đều nhau:

Stt	Họ tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	Ứng viên A	2.000
2	Ứng viên B	2.000
3	Ứng viên C	0
4	Ứng viên C	0
5	Ứng viên E	1.000
	Tổng số phiếu bầu	5.000

Trường hợp 3: cổ đông dồn phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên:

Stt	Họ tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	Ứng viên A	0
2	Ứng viên B	5.000
3	Ứng viên C	0
4	Ứng viên C	0
5	Ứng viên E	0
	Tổng số phiếu bầu	5.000

Việc bầu thành viên BKS cũng được thực hiện như bầu thành viên HĐQT, chỉ khác tổng số phiếu bầu được nhân 3.

Số: 210223.002 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè được lập ngày 21 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

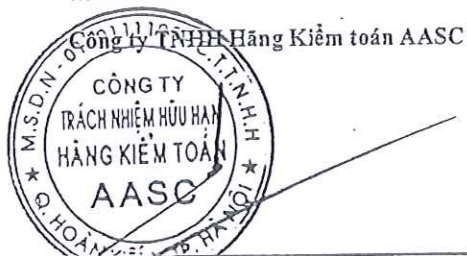
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Lê Trường Long
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5480-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		252.342.892.725	477.064.755.152
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	13.997.494.671	7.986.643.835
111	1. Tiền		13.997.494.671	7.986.643.835
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		72.157.361.651	109.789.935.399
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	71.482.042.100	94.472.889.608
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	387.886.255	15.242.241.026
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	287.433.296	74.804.765
140	IV. Hàng tồn kho	07	151.539.747.518	317.840.996.655
141	1. Hàng tồn kho		151.539.747.518	318.141.461.005
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(300.464.350)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.648.288.885	41.447.179.263
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	875.947.920	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.505.551.096	41.174.789.474
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	266.789.869	272.389.789
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		113.051.928.467	131.002.767.791
220	II. Tài sản cố định		112.836.424.850	127.934.719.498
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	112.768.262.350	127.749.706.998
222	- Nguyên giá		346.367.482.761	341.554.718.603
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(233.599.220.411)	(213.805.011.605)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	68.162.500	185.012.500
228	- Nguyên giá		570.000.000	570.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(501.837.500)	(384.987.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	-	-
231	- Nguyên giá		1.478.303.812	1.478.303.812
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.478.303.812)	(1.478.303.812)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	08	105.000.000	2.692.335.976
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		105.000.000	2.692.335.976
260	VI. Tài sản dài hạn khác		110.503.617	375.712.317
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	110.503.617	375.712.317
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>365.394.821.192</u>	<u>608.067.522.943</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

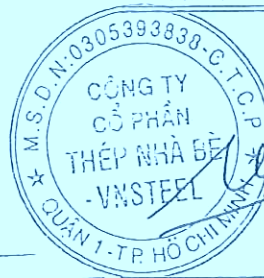
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		186.966.182.034	412.887.677.916
310	I. Nợ ngắn hạn		185.845.271.313	408.329.921.367
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	30.062.091.477	86.077.727.420
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	10.580.540	184.652.613
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	-	885.580.226
314	4. Phải trả người lao động		5.920.439.611	6.123.057.896
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.870.893.065	534.793.736
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.363.904.252	2.067.484.781
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	144.476.616.128	311.127.688.128
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		140.746.240	1.328.936.567
330	II. Nợ dài hạn		1.120.910.721	4.557.756.549
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	1.120.910.721	4.557.756.549
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		178.428.639.158	195.179.845.027
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	178.428.639.158	195.179.845.027
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		144.900.000.000	115.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		144.900.000.000	115.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.279.359.369	7.094.556.539
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		15.890.084.554	15.890.084.554
415	4. Cổ phiếu quỹ		(1.230.000)	(99.898.530)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		4.462.987.068	3.637.949.832
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.897.438.167	53.657.152.632
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		14.282.715.396	43.870.771.246
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(8.385.277.229)	9.786.381.386
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		365.394.821.192	608.067.522.943


 Nguyễn Thị Phương
 Người lập


 Nguyễn Quốc Anh Dũng
 Kế toán trưởng


 Lê Việt
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2023



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022		Năm 2021	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.012.251.346.658	1.999.496.949.809		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	19.787.845.914	21.430.627.008		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.992.463.500.744	1.978.066.322.801		
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.935.001.502.005	1.908.353.032.642		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.461.998.739	69.713.290.159		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	4.149.959.862	385.243.223		
22	7. Chi phí tài chính	25	16.785.024.805	12.208.952.221		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		14.292.640.437	10.977.586.706		
25	8. Chi phí bán hàng	26	18.122.691.691	13.573.535.000		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	34.825.513.286	34.448.164.728		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.121.271.181)	9.867.881.433		
31	11. Thu nhập khác	28	753.807.436	3.758.197.896		
32	12. Chi phí khác	29	1.017.813.484	1.354.117.717		
40	13. Lợi nhuận khác		(264.006.048)	2.404.080.179		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(8.385.277.229)	12.271.961.612		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	2.485.580.226		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.385.277.229)	9.786.381.386		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(681)	750		



Nguyễn Thị Phương
Người lập



Nguyễn Quốc Anh Dũng
Kế toán trưởng



Lê Việt

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2023



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(8.385.277.229)	12.271.961.612
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.911.058.806	20.092.084.175
03	- Các khoản dự phòng		(300.464.350)	300.464.350
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		834.213.833	18.578.625
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(23.875.044)	(23.426.534)
06	- Chi phí lãi vay		14.292.640.437	10.977.586.706
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.328.296.453	43.637.248.934
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		64.476.697.500	(60.099.721.537)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		166.601.713.487	(194.899.274.309)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(54.988.577.917)	(13.258.994.914)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(610.739.220)	(375.712.317)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(14.274.686.634)	(10.801.685.459)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(885.580.226)	(3.232.362.728)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.362.590.327)	(2.311.565.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		184.284.533.116	(241.342.067.330)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.092.490.000)	(8.899.811.503)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.875.044	23.426.534
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.068.614.956)	(8.876.384.969)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		349.701.360	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.230.000)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.871.753.592.684	2.071.830.790.944
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(2.041.841.510.512)	(1.807.742.158.272)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.462.121.569)	(11.339.813.150)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(177.201.568.037)	252.748.819.522
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.014.350.123	2.530.367.223

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

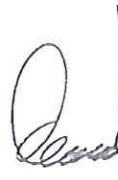
Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

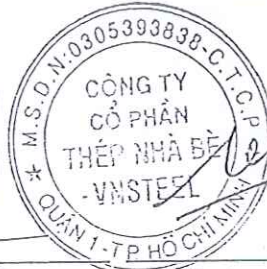
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.986.643.835	5.458.324.115
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.499.287)	(2.047.503)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>13.997.494.671</u>	<u>7.986.643.835</u>



Nguyễn Thị Phương
Người lập



Nguyễn Quốc Anh Dũng
Kế toán trưởng



Lê Việt

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 15/12/2007, sửa đổi bổ sung tháng 10/2022;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 12 tháng 4 năm 2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và định hướng nhiệm vụ năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, với ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành. Với các chỉ tiêu chính:

- Sản lượng sản xuất thép cán đạt 115.249 tấn/ Kế hoạch 150.000 tấn, đạt 76,83 %
- Sản lượng tiêu thụ 119.380 tấn/ Kế hoạch 150.000 tấn, đạt 79,59 %
- Doanh thu: 1.992,463 tỷ đồng, đạt 79,07 % kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: (8,385) tỷ đồng

Điều 2. Thông qua Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty trong năm 2022, ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty, ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 4. Thông qua Tờ trình về tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022 và mức chi năm 2023, với ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

4.1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022: 2.361.960.000 đồng

4.2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023: 2.867.400.000 đồng

Điều 5. Thống nhất với Tờ trình về kế hoạch SXKD - Tài chính - Tiền lương và Đầu tư năm 2023, với ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

5.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

▪ Sản xuất: 115.000 tấn thép cán

▪ Tiêu thụ: 115.000 tấn thép cán

5.2. Kế hoạch tài chính

▪ Doanh thu: 1.610 tỷ đồng;

- Lợi nhuận trước thuế: 07 tỷ đồng;
- Tỷ suất LNTT/Vốn CSH: 1,20%
- Tỷ suất LNTT/Tổng tài sản: 3,24%
- Dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt: 0%

5.3. Kế hoạch tiền lương

- Tổng tiền lương người lao động:	31.248,00 triệu đồng
- Tiền lương bình quân người lao động:	16,80 triệu đồng/người/tháng
- Tổng tiền lương người quản lý & thù lao HĐQT, BKS	2.867,40 triệu đồng
- Tổng quỹ lương kế hoạch	34.115,40 triệu đồng

5.4. Kế hoạch đầu tư mua sắm nâng cấp TSCĐ:

01 hạng mục chuyển tiếp (2022): Cụm đóng bó thép góc

Tổng vốn đầu tư: 6.500 triệu đồng, Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu 6.500 triệu đồng.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về Kế hoạch đầu tư Dự án Sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép 150.000 tấn/năm, với _____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

6.1. Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Sản xuất thép cán xây dựng – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép 150.000 tấn/năm.

6.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và các quyết định thuộc thẩm quyền trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2023, Đại hội thống nhất ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2022, danh sách đề xuất bao gồm:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
3. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C

Với _____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 8. Thông qua một số Tờ trình khác, với _____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

8.1. Tờ trình thông qua hợp đồng mua bán và thế chấp tài sản công ty:

- Hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) >35% tổng giá trị tài sản công ty và hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan (Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam, Công ty cổ phần Thép Biên Hòa-VNSTEEL, Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL).
- Thế chấp tài sản công ty có giá trị nguyên giá > 35% tổng giá trị tài sản của Công ty với các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng.

8.2. Tờ trình ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt hạn mức tín chấp bán hàng: 150 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL.

Điều 9. Thông qua báo cáo kiểm điểm hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023, định hướng phát triển nhiệm kỳ 2023-2028, với ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 10. Chuẩn y kết quả bầu cử HĐQT & BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028

10.1. Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên

- Ông _____, đạt ____ phiếu bầu/ _____ cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ, tương đương ____ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.
- Ông _____, đạt ____ phiếu bầu/ _____ cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ, tương đương ____ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.
- Ông _____, đạt ____ phiếu bầu/ _____ cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ, tương đương ____ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.
- Ông _____, đạt ____ phiếu bầu/ _____ cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ, tương đương ____ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.
- Ông _____, đạt ____ phiếu bầu/ _____ cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ, tương đương ____ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch: Ông _____ được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028, với số phiếu bầu là 5/5 phiếu, đạt tỉ lệ 100% phiếu đồng ý.

10.2. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên

- Ông _____, đạt ____ phiếu bầu/ _____ cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ, tương đương ____ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.
- Ông/bà _____, đạt ____ phiếu bầu/ _____ cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ, tương đương ____ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.
- Ông/bà _____, đạt ____ phiếu bầu/ _____ cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ, tương đương ____ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ.

Ban kiểm soát bầu Trưởng ban: Ông _____ được bầu làm Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028, với số phiếu bầu là 3/3 phiếu, đạt tỉ lệ 100% phiếu đồng ý.

Điều 11. Đại hội nhất trí giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội, lập ra chương trình hành động phần đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 12. Giao cho Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 12/4/2023./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông TNB;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VT, TCHC.

Lê Việt

